

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Sự cần thiết phải tiến hành lập KHSDĐ 2021	3
3. Nội dung lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm	3
4. Cơ sở pháp lý và tài liệu phục vụ lập kế hoạch sử dụng đất năm 2021	3
5. Các sản phẩm giao nộp	6

PHẦN I

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI

I. Điều kiện tự nhiên	7
1. Vị trí địa lý:	7
2. Địa hình, địa mạo:	7
3. Khí hậu	7
4. Tài nguyên đất.....	8
5. Tài nguyên nước.....	9
6. Tài nguyên khoáng sản	9
II. Phát triển kinh tế - xã hội	9
1. Nông nghiệp và phát triển nông thôn.....	10
2. Công nghiệp	11
3. Thương mại, dịch vụ	11
4. Phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật – Quy hoạch, xây dựng đô thị	11
5. Tài nguyên – Môi trường	13
III. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội.....	14

PHẦN II

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020

I. Kết quả thực hiện các công trình, dự án trong năm 2020	15
II. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất năm 2020.....	23
1. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất phi nông nghiệp	23
2. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp	28
3. Kết quả thực hiện kế hoạch khai thác đất chưa sử dụng.....	29
4. Đánh giá các CT, DA đã đăng ký quá 03 năm chuyển tiếp sang KH2021 ..	30
III. Những tồn tại và nguyên nhân của những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2020.....	32

PHẦN III

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021 HUYỆN BẮC TÂN UYÊN

I. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021.....	33
1. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực	33
2. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất.....	33
2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2021 do tính phân bổ	35
2.2. Chỉ tiêu sử dụng đất 2021 do huyện Bắc Tân Uyên xác định.....	38
3. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích.....	41
4. Diện tích đất cần thu hồi	43
5. Nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất lúa và DMCT có sử dụng đất lúa....	45
6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng	45
7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch.....	45
8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm 2021	47
II. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	48

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

DANH MỤC BẢNG TRONG BÁO CÁO

Trang

Bảng 1: Phân loại và quy mô diện tích các loại đất.....	8
Bảng 2: Kết quả thực hiện công trình, dự án trong năm 2020 - H.Bắc Tân Uyên ...	15
Bảng 3: KQ thực hiện CT, DA thuộc diện thu hồi đất trong năm 2020.....	17
Bảng 4: Danh mục CT, DA đã thu hồi đất trong năm 2020	18
Bảng 5: Danh mục CT, DA đang trình thu hồi đất.....	18
Bảng 6: Danh mục CT, DA chưa thu hồi đất trong năm 2020	22
Bảng 7: Kết quả thực hiện CT, DA thuộc diện chuyển mục đích trong năm 2020...	22
Bảng 8: Danh mục CT, DA đất phát triển hạ tầng đã thực hiện trong năm 2020	24
Bảng 9: Tiến độ thực hiện CT, DA đất DHT đang thực hiện trong năm 2020	25
Bảng 10: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2020 H. Bắc Tân Uyên	29
Bảng 11: Danh mục CT, DA quá 03 năm chuyển tiếp sang KH2021	31
Bảng 12: Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Bắc Tân Uyên	33
Bảng 13: Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cụ thể trên địa bàn các ĐVHC.....	39
Bảng 14: Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021	42
Bảng 15: Kế hoạch thu hồi đất năm 2021.....	44
Bảng 16: DM CT, DA có sử dụng đất trồng lúa, nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trong năm 2021	45
Bảng 17: Số lượng công trình, dự án thực hiện trong năm kế hoạch 2021	46
Bảng 18: Ước tính thu chi theo KHSDĐ năm 2021	48

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Sự cần thiết phải tiến hành lập KHSDD 2021

Điều 4 của Luật Đất đai năm 2013 quy định “*Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý*”, đồng thời tại Khoản 1, Điều 6 quy định Nhà nước trao quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất theo nguyên tắc “*Đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và đúng mục đích sử dụng đất*”.

Điều 52 của Luật Đất đai năm 2013 quy định căn cứ để giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất là Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Huyện Bắc Tân Uyên đã tiến hành lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011 – 2015) và được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương phê duyệt tại Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 27/3/2014. Trên cơ sở Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của tỉnh Bình Dương được Chính Phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 17/5/2018, UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Bắc Tân Uyên tại Quyết định số 3819/QĐ-UBND ngày 28/12/2018.

Theo hướng dẫn triển khai thực hiện lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện của Bộ Tài nguyên và Môi trường (*các Công văn số 1792/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 03/4/2020; 4744/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 03/9/2020*); Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương (*công văn số 1098/UBND-KT ngày 13/3/2020*); Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương (*công văn số 4256/STNMT-CCQLĐĐ ngày 25/9/2020*), UBND huyện Bắc Tân Uyên tiến hành lập kế hoạch sử dụng đất năm 2021 nhằm tạo cơ sở pháp lý cho các thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất trên địa bàn huyện đảm bảo theo đúng quy định.

2. Mục đích kế hoạch sử dụng đất

- Phân bổ chỉ tiêu các loại đất phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong năm 2021 trên địa bàn huyện Bắc Tân Uyên.

- Tạo căn cứ pháp lý để giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất trong năm 2021 cho các đối tượng sử dụng đất trên địa bàn huyện Bắc Tân Uyên.

3. Nội dung lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm

Nội dung lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện được quy định tại Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, bao gồm các nội dung chính sau:

- Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.
- Lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm.
- Thẩm định, phê duyệt và công bố công khai.

4. Cơ sở pháp lý và tài liệu phục vụ lập kế hoạch sử dụng đất năm 2021

- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013

- Luật số 21/2017/QH14 của Quốc hội : Luật Quy hoạch
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.
- Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch.
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.
- Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05/02/2018 của Chính phủ về triển khai thi thành Luật Quy hoạch.
- Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 27/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp triển khai lập đồng thời các quy hoạch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.
- Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.
- Công văn số 1792/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 03/4/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện khi quy hoạch tỉnh chưa được phê duyệt;
- Công văn số 1098/UBND-KT ngày 13/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.
- Công văn số 4744/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 03/9/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện.
- Công văn số 4256/STNMT-CCQLĐĐ ngày 25/9/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc triển khai thực hiện lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện.
- Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 11/06/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương đến 2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025.
- Quyết định số 3599/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2016 và danh mục dự án, công trình thuộc diện thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất lúa năm 2016 huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
- Quyết định số 3595/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Bắc Tân Uyên đến năm 2025.

- Quyết định số 3828/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Bình Dương về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018 huyện Bắc Tân Uyên.

- Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của UBND tỉnh Bình Dương về việc bổ sung danh mục dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất tại Quyết định số 3828/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018 huyện Bắc Tân Uyên.

- Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 21/9/2018 của UBND tỉnh Bình Dương về việc bổ sung danh mục công trình, dự án thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất vào kế hoạch sử dụng đất năm 2018 huyện Bắc Tân Uyên.

- Quyết định số 3819/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Bắc Tân Uyên.

- Quyết định số 3852/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Bình Dương về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Bắc Tân Uyên.

- Quyết định số 1997/QĐ-UBND ngày 10/7/2019 của UBND tỉnh Bình Dương về việc bổ sung danh mục công trình, dự án thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất vào kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Bắc Tân Uyên.

- Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 của UBND tỉnh Bình Dương về việc bổ sung, điều chỉnh danh mục công trình, dự án thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Bắc Tân Uyên.

- Quyết định số 4088/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Quyết định số 2947/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục công trình, dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Bắc Tân Uyên.

- Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 15/12/2017 của HĐND tỉnh về danh mục công trình, dự án thuộc diện thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa trong năm 2018 trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

- Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 17/5/2018 của Chính phủ về Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bình Dương.

- Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 20/7/2018 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 15/12/2017 của HĐND tỉnh về danh mục công trình, dự án thuộc diện thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa trong năm 2018 trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

- Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 30/11/2018 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2020.

- Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 30/11/2018 của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công.

- Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/11/2018 của HĐND tỉnh Bình Dương về danh mục dự án, công trình thuộc diện thu hồi đất trong năm 2019 trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

- Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của HĐND tỉnh Bình Dương về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020 (lần 2).

- Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của HĐND tỉnh Bình Dương về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2020.

- Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của HĐND tỉnh Bình Dương về Quyết định, điều chỉnh và dừng chủ trương đầu tư các dự án đầu tư.

- Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 31/07/2019 của HĐND tỉnh Bình Dương về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/11/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục công trình, dự án thuộc diện thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2019 trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

- Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh Bình Dương về Danh mục công trình, dự án thuộc diện thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trong năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

- Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 20/7/2020 của HĐND tỉnh Bình Dương về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh Bình Dương về danh mục công trình, dự án thuộc diện thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trong năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

- Kết quả Kiểm kê đất đai năm 2019 của huyện Bắc Tân Uyên.

- Số liệu chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong năm 2020 của huyện Bắc Tân Uyên.

- Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 9 tháng đầu năm 2020 và một số nhiệm vụ trọng tâm 3 tháng cuối năm 2020 của UBND huyện Bắc Tân Uyên.

5. Các sản phẩm giao nộp

Loại sản phẩm, yêu cầu về nội dung, tính pháp lý và kỹ thuật của các sản phẩm được quy định tại Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 bao gồm:

- Báo cáo thuyết minh kế hoạch sử dụng đất năm 2021 kèm phụ biểu số liệu.
- Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2021, tỷ lệ 1/25.000.
- CD ghi các sản phẩm trên (báo cáo, số liệu, các loại bản đồ số).

Các sản phẩm sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt sẽ lưu giữ tại:

- | | |
|---|----------|
| + UBND tỉnh Bình Dương | : 01 bộ; |
| + Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương | : 01 bộ; |
| + UBND huyện Bắc Tân Uyên | : 01 bộ; |
| + Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bắc Tân Uyên | : 01 bộ. |

PHẦN I

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

1. Vị trí địa lý:

Huyện Bắc Tân Uyên được thành lập theo Nghị quyết số 136/NQ-CP ngày 29/12/2013 của Chính phủ trên cơ sở chia tách huyện Tân Uyên để thành lập thị xã Tân Uyên và huyện Bắc Tân Uyên. Huyện Bắc Tân Uyên nằm ở phía Đông của tỉnh Bình Dương, ranh giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.
- Phía Tây giáp thị xã Tân Uyên và huyện Bàu Bàng.
- Phía Nam giáp thị xã Tân Uyên.
- Phía Bắc giáp huyện Phú Giáo.

Huyện Bắc Tân Uyên có diện tích tự nhiên là 40.030,75ha, được chia thành 10 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm: Tân Thành, Tân Bình, Bình Mỹ, Tân Lập, Tân Định, Lạc An, Hiếu Liêm, Đất Cuốc, Thường Tân và Tân Mỹ.

2. Địa hình, địa mạo:

Thấp dần từ Bắc xuống Nam, phía Bắc có cao trình 40 – 50m, một số đồi cao độc lập có cao trình 70-80m, phía Nam có cao trình thấp khoảng 20 – 30m, đất đai bằng phẳng, ít bị chia cắt, tạo thành vùng rộng lớn rất thuận lợi cho xây dựng cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp – đô thị và trồng cây công nghiệp lâu năm. Đặc biệt, có dải đất nghiêng chạy dọc theo sông Đồng Nai, sông Bé có nhiều cảnh quan để khai thác phát triển du lịch.

3. Khí hậu

Theo số liệu quan trắc khí tượng, khí hậu nhiều năm ở Bình Dương cho thấy: Bình Dương nói chung và Bắc Tân Uyên nói riêng nằm trong vùng nhiệt đới cận xích đạo, khí hậu có những đặc trưng chính như sau:

- Nắng nhiều, bình quân 2.200-2.500 giờ nắng/năm (6,0 - 6,8 giờ/ngày); năng lượng bức xạ dồi dào, bình quân (75 - 80 Kcal/cm/năm); nhiệt độ cao đều quanh năm, (bình quân các tháng trong năm từ 26⁰C - 27⁰C), tổng tích ôn lớn (9.468⁰C - 9.684⁰C).

- Lượng mưa khá cao, bình quân trong 14 năm từ 1996 – 2009 là 1.890 mm/năm, số ngày có mưa bình quân 158-179 ngày/năm; mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, chiếm trên 84% tổng lượng mưa cả năm. Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4, chỉ chiếm dưới 16% tổng lượng mưa cả năm. Hạn chế trong chế độ mưa là lượng

mưa biến động rất lớn. Chỉ trong vòng số liệu quan trắc 13 năm, nhưng năm mưa thấp nhất lượng mưa xuống tới 1.225,7 mm (năm 2003), năm mưa nhiều nhất lên tới 2.286,8 mm (năm 2007).

- Rất ít thiên tai về khí hậu, biến động thời tiết đáng kể nhất ở Bắc Tân Uyên cũng như vùng Nam bộ là tình trạng hạn cục bộ trong mùa mưa (mùa mưa đến muộn hoặc kết thúc sớm hoặc có các đợt hạn trong mùa mưa, nhất là những năm có lượng mưa thấp); nhưng những biến động này chủ yếu ảnh hưởng lớn đến sản xuất cây hàng năm. Các hồ giữ nước cho mùa khô là giải pháp quan trọng để phát huy các ảnh hưởng tích cực và khắc phục những hạn chế về điều kiện khí hậu trên địa bàn Huyện cũng như với toàn Tỉnh và toàn vùng Đông Nam Bộ.

4. Tài nguyên đất

Theo kết quả điều tra thoái hóa đất kỳ đầu năm 2015 tỉnh Bình Dương, trên địa bàn huyện Bắc Tân Uyên có các nhóm đất sau:

Bảng 1: Phân loại và quy mô diện tích các loại đất

Số TT	Tên đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
I	Nhóm đất phù sa		2.376,00	5,94
1	Đất phù sa không được bồi	P	833,00	2,08
2	Đất phù sa loang lổ	Pf	1.543,00	3,85
II	Nhóm đất xám		6.290,00	15,71
3	Đất xám gley	Xg	1.526,00	3,81
4	Đất xám trên phù sa cổ	X	4.764,00	11,90
III	Nhóm đất đỏ vàng		24.792,00	61,93
5	Đất đỏ vàng trên đá phiến	Fs	3.427,00	8,56
6	Đất nâu vàng trên phù sa cổ	Fp	21.365,00	53,37
IV	Nhóm đất dốc tụ		1.890,00	4,72
7	Đất dốc tụ thung lũng	D	1.890,00	4,72
V	Khu vực không nghiên cứu		3.587,86	8,96
VI	Sông, suối, ao, hồ		1.094,89	2,74
	Tổng diện tích tự nhiên		40.030,75	100,00

Nguồn: Kết quả điều tra thoái hóa đất kỳ đầu năm 2015 - tỉnh Bình Dương.

(1). Nhóm đất phù sa: Có diện tích khoảng 2.376ha, chiếm 5,94% diện tích tự nhiên (DTTN). Gồm 02 đơn vị phân loại: Đất phù sa không được bồi và đất phù sa có tầng loang lổ đỏ vàng, phân bố ở các xã ven sông Đồng Nai và một ít ở ven sông Bé trên địa bàn các xã: Thường Tân, Lạc An, Hiếu Liêm và Tân Định.

(2). Nhóm đất xám: Có diện tích khoảng 6.290ha, chiếm 15,71% DTTN. Gồm 2 đơn vị được phân loại thành: Đất xám trên phù sa cổ và đất xám gley. Đất xám trên phù sa cổ phân bố chủ yếu ở các xã: Tân Bình, Bình Mỹ, Tân Định. Đất xám gley, phân bố ven các suối.

(3). Nhóm đất đỏ vàng: Đây là nhóm đất chiếm diện tích lớn nhất trên địa bàn Huyện (24.792ha, 61,93% DTTN). Phân bố rộng khắp trên các địa hình cao trên địa bàn toàn Huyện có địa chất ổn định, nền đất chắc thích hợp cho xây dựng công trình phi nông nghiệp và trồng các loại cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả, đặc biệt thích hợp trồng cao su.

(4). Nhóm đất dốc tụ: Chiếm tỉ lệ nhỏ nhất trong cơ cấu các loại đất trên địa bàn Huyện (4,72% DTTN) với diện tích 1.890ha. Nhóm đất dốc tụ được hình thành trên sản phẩm dốc tụ từ các khu vực lân cận có địa hình cao hơn đưa xuống. Đất dốc tụ thường có hàm lượng dinh dưỡng khá, phù hợp với bố trí chuyên canh lúa nước, chuyên canh cây trồng cạn hàng năm hoặc luân canh lúa nước với cây trồng cạn.

(5). Khu vực không nghiên cứu: Các khu vực này có hiện trạng sử dụng đất phi nông nghiệp: các khu công nghiệp, đất phát triển hạ tầng..., với diện tích 3.587,86ha, chiếm 8,96% DTTN.

(6). Sông, suối, ao, hồ: Có diện tích 1.094,89ha, chiếm 2,74% diện tích tự nhiên toàn Huyện.

5. Tài nguyên nước

Huyện Bắc Tân Uyên được bao bọc bởi sông Đồng Nai ở phía Đông và sông Bé ở phía Bắc. Ngoài ra, còn có nhiều suối nhỏ phụ lưu dẫn nước trong nội huyện. Nguồn nước mặt của hệ thống sông Bé và sông Đồng Nai có vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của huyện Bắc Tân Uyên. Ngoài ra, Huyện có trữ lượng nước ngầm ở độ sâu trung bình 30 - 50 m. Nước ngầm là nguồn tài nguyên quý giá, cần phải thận trọng trong quá trình sử dụng và quản lý khai thác một cách có hiệu quả.

6. Tài nguyên khoáng sản

Theo tài liệu quy hoạch thăm dò khai thác sử dụng khoáng sản tỉnh Bình Dương, trên địa bàn huyện Bắc Tân Uyên có các loại khoáng sản như sau:

- *Sét gạch ngói:* Phân bố chủ yếu ở Tân Mỹ, Tân Bình, Tân Thành, Tân Lập, Đất Cuốc.

- *Đá xây dựng:* Phân bố chủ yếu ở Tân Mỹ và Thường Tân.

- *Cát xây dựng:* Phân bố ở ven sông Đồng Nai.

- *Kaolin:* Phân bố chủ yếu ở Đất Cuốc, Tân Lập, Tân Thành.

II. PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Thực hiện Nghị quyết của Huyện Ủy và HĐND huyện, UBND huyện đã quyết liệt chỉ đạo, điều hành và triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh trong 9 tháng đầu năm 2020 đạt được những kết quả như sau:

- **Về công nghiệp:** Giá trị sản xuất ngành công nghiệp thực hiện được 3.164 tỷ đồng, tăng 8,21% so với cùng kỳ năm 2019 và đạt 74,71% NQ HĐND huyện.

- **Về nông nghiệp:** Giá trị sản xuất nông nghiệp thực hiện được 1.658 tỷ đồng, tăng 3,88% so với cùng kỳ năm 2019 và đạt 69,23% NQ HĐND huyện.

- **Về thương mại - dịch vụ:** Tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ là 2.169 tỷ đồng, tăng 9,28% so với cùng kỳ và đạt 84% NQ HĐND huyện.

1. Nông nghiệp và phát triển nông thôn

a) Sản xuất nông nghiệp

➤ Trồng trọt:

Tổng diện tích cây hàng năm là 2.705 ha (*giảm 1,8% so với cùng kỳ năm trước*). Trong đó: cây lương thực là 1.514,5 ha; cây lấy củ có chất bột là 358 ha; rau đậu các loại là 779 ha, cây công nghiệp hàng năm là 17 ha và cây hàng năm khác là 36,5 ha. Các loại cây trồng đều được xuống giống kịp thời và phát triển tốt.

Tổng diện tích cây lâu năm là 23.828,6 ha. Trong đó, một số loại cây chủ lực như: cây cao su là 21.167 ha, cây điều là 151,6 ha, cây ăn trái là 2.499,5 ha (*trong đó diện tích cây ăn trái có múi là 2.341,2 ha, tăng 2,3 ha so với cùng kỳ*), cây lâu năm khác là 10,5 ha. Đến nay, trên địa bàn huyện có 102 trang trại trồng trọt, với tổng diện tích khoảng 1.464 ha.

➤ Chăn nuôi:

Trên địa bàn huyện không xảy ra dịch bệnh truyền nhiễm trên đàn gia súc, gia cầm. UBND huyện thường xuyên chỉ đạo ngành chức năng thực hiện tốt các biện pháp phòng chống dịch bệnh. Hiện nay, tổng đàn gia cầm là 1,82 triệu con, đàn gia súc hiện có 1.759 con trâu, bò và 45.557 con heo. Ngành chức năng huyện thường xuyên tăng cường công tác kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật và thực hiện kiểm soát giết mổ; đã thực hiện 43 lượt kiểm tra liên ngành, phát hiện và xử lý 20 trường hợp vi phạm, phạt tiền 47,8 triệu đồng và tiêu hủy tang vật vi phạm. Ban hành văn bản đề nghị Cục Thú y xem xét, công nhận huyện Bắc Tân Uyên là vùng an toàn dịch bệnh trên cạn đối với bệnh Lở mồm long móng và bệnh Dịch tả heo cổ điển.

b) Chương trình xây dựng nông thôn mới: Căn cứ Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND tỉnh thì hiện nay tất cả 09/09 xã của huyện đều giữ vững 19/19 tiêu chí. Riêng đối với Bộ tiêu chí nâng cao của Tỉnh theo Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 16/7/2018 thì đến nay huyện có 03 xã (*Đất Cuốc, Lạc An, Hiếu Liêm*) đạt 19/19 tiêu chí, 05 xã đạt 18/19 tiêu chí (*Tân Bình, Bình Mỹ, Tân Lập, Tân Mỹ và Thường Tân*), 01 xã đạt 17/19 tiêu chí (*Tân Định*).

Về hồ sơ công nhận Huyện đạt chuẩn nông thôn mới: UBND tỉnh đã có Tờ trình trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, thẩm định, công nhận huyện Bắc Tân Uyên đạt chuẩn nông thôn mới.

2. Công nghiệp

Giá trị sản xuất ngành công nghiệp ước thực hiện được 3.164 tỷ đồng, tăng 8,21% so với cùng kỳ và đạt 74,71% kế hoạch năm. Trong đó, kinh tế có vốn đầu tư trong nước là 1.905 tỷ đồng (*tăng 8,42%*) và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là 1.259 tỷ đồng (*tăng 7,88%*).

*** Thu hút đầu tư:** các Khu, cụm Công nghiệp thu hút được 10 dự án; trong đó: Khu công nghiệp Đất Cuốc thu hút được 09 dự án, với diện tích là 8,82ha; Khu công nghiệp Tân Bình thu hút được 01 dự án với diện tích 01ha; các khu, cụm công nghiệp còn lại không thu hút được dự án mới. Bên cạnh đó, UBND huyện đã có văn bản phúc đáp các Sở ngành Tỉnh đối với 11 dự án đầu tư ngoài Khu, cụm công nghiệp (*trong đó: thống nhất địa điểm đầu tư 07 dự án; không thống nhất 02 dự án; 02 dự án đang xử lý VPHC nên chưa có ý kiến*). Trong 9 tháng, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã cấp 43 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho các doanh nghiệp, với tổng số vốn là 420,2 tỷ đồng, trong đó có 35 doanh nghiệp trong nước và 8 doanh nghiệp nước ngoài (FDI); lũy kế đến nay trên địa bàn huyện có 583 doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, với tổng vốn đầu tư là 9.588,2 tỷ đồng.

3. Thương mại, dịch vụ

Tình hình kinh doanh thương mại – dịch vụ đã có nhiều chuyển biến tích cực so với 06 tháng đầu năm, tuy nhiên mức tăng vẫn chưa cao. Ước tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ là 2.169 tỷ đồng, tăng 9,28% so với cùng kỳ và đạt 73,87% kế hoạch năm. Tại các chợ trên địa bàn huyện lượng hàng hoá tương đối đa dạng, cơ bản đáp ứng nhu cầu mua sắm và tiêu dùng của nhân dân; không xảy ra tình trạng đầu cơ tăng giá và mất vệ sinh an toàn thực phẩm. Ngành chức năng huyện thường xuyên phối hợp kiểm tra các hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện, góp phần ổn định thị trường. Bên cạnh đó, UBND huyện đã ban hành văn bản chỉ đạo dự trữ hàng hóa thiết yếu để chủ động ứng phó với dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virút Corona gây ra.

4. Phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật – Quy hoạch, xây dựng đô thị

4.1. Phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật giao thông

Đã có hệ thống đường nhựa kết nối từ Huyện về 10 xã, thị trấn và kết nối đến các huyện, thị, thành phố trong và ngoài Tỉnh. Hệ thống đường giao thông liên xã, giao thông nông thôn chủ yếu là sỏi đỏ và đường đất. Trước tình hình đó, Huyện xác định để thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển nhanh, đòi hỏi phải tập trung đầu tư phát triển hạ tầng giao thông một cách đồng bộ, hiện đại bằng nhiều nguồn vốn và phương thức đầu tư khác nhau.

- Các tuyến đường do Tỉnh đầu tư:

+ Công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.746 đoạn từ ngã ba Tân Thành đi ngã ba Hội Nghĩa và Công trình Nâng cấp, sửa chữa đường ĐT.746 đoạn từ Cầu Gõ đến bến đò Hiếu Liêm: UBND tỉnh đã phê duyệt vốn chuẩn bị đầu tư, hiện Ban QLDA ĐTXD tỉnh đã lập Dự án đầu tư trình Sở Giao thông vận tải thẩm định để trình UBND tỉnh phê duyệt.

+ Công trình giải phóng mặt bằng đường Thủ Biên - Đất Cuốc: Chiều dài tuyến khoảng 12,5 km, toàn tuyến có 282 hồ sơ bồi thường (xã Thường Tân: 138 hồ sơ, xã Tân Mỹ: 144 hồ sơ).

. Đoạn xã Thường Tân: đã phê duyệt Phương án 12 đợt, với tổng kinh phí 107,23 tỷ đồng cho 133 hộ và 02 tổ chức (tỷ lệ 97,8%). Chi tiền được 126 hộ và 02 tổ chức với tổng số tiền là 101 tỷ đồng (đạt 92,7% dự án). Đang tiếp tục vận động chi tiền cho 07 hộ dân còn lại và đơn đốc TTPTQĐ tỉnh hoàn chỉnh Phương án bồi thường đối với 03 trường hợp cuối cùng để trình phê duyệt. Đến nay đã bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư được diện tích 20,1 ha/26,77 ha (đạt tỷ lệ 75%).

. Đoạn xã Tân Mỹ: đã hoàn thành phê duyệt các Phương án bồi thường, với tổng kinh phí là 196,76 tỷ đồng. Chi tiền được 133 hộ và 06 tổ chức, với tổng số tiền là 195,45 tỷ đồng (đạt tỷ lệ 96,5%). Đang tiếp tục vận động chi tiền 05 trường hợp còn lại. Đến nay đã bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư được 47,6/50,5ha (đạt tỷ lệ 94,37%).

+ Công trình giải phóng mặt bằng đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng: tổng chiều dài đoạn thuộc Bắc Tân Uyên khoảng 9,5km, với tổng cộng 309 hồ sơ (thị trấn Tân Thành: 156 hộ; xã Tân Định: 153 hộ).

. Đoạn thị trấn Tân Thành: đã hoàn thành phê duyệt các Phương án bồi thường, với tổng số tiền là 95,81 tỷ đồng. Đã chi tiền bồi thường được 114 hộ và 03 tổ chức, với số tiền là 63,661 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 75%. Đang tiếp tục vận động chi tiền bồi thường 39 hộ còn lại. Đến nay đã bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư được diện tích 2,31ha/3,8ha (đạt tỷ lệ 60,78%).

. Đoạn xã Tân Định: đã phê duyệt Phương án được 147 hộ và 03 tổ chức, với tổng kinh phí là 202,943 tỷ đồng (đạt tỷ lệ 98%). Đã chi tiền bồi thường được 131 hộ và 03 tổ chức, với số tiền 185,23 tỷ đồng (đạt tỷ lệ 87,5% dự án). Đang tiếp tục vận động chi tiền 16 hộ còn lại; đồng thời tập trung đơn đốc TTPTQĐ tỉnh hoàn chỉnh Phương án bồi thường đối với 03 trường hợp cuối cùng để trình phê duyệt. Đến nay đã bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư được diện tích 32,21ha/37,2ha (đạt tỷ lệ 86,58%).

- Các tuyến đường do huyện đầu tư, gồm: 19 công trình chuyển tiếp (01 công trình đang lập thủ tục thu hồi đất, 01 công trình đang thi công, 17 công trình đang quyết toán), 9 công trình chuẩn bị đầu tư (đang lập hồ sơ phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật), 26 công trình khởi công mới (đang đấu thầu: 2 công trình; đang thi công: 6 công trình; đang lập thiết kế bản vẽ thi công: 1 công trình; thi công hoàn

thành: 9 công trình; đang lập báo cáo kinh tế kỹ thuật: 8 công trình). Nhìn chung, tiến độ thực hiện các công trình bảo đảm theo Kế hoạch.

- ***Về giao thông nông thôn:*** hiện đang triển khai thi công 10 công trình, tiến độ bảo đảm theo kế hoạch. Song song đó, UBND các xã, thị trấn đang thực hiện các thủ tục phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đối với 10 công trình chuẩn bị đầu tư để thực hiện trong năm 2021.

4.2. Quy hoạch, xây dựng đô thị, đầu tư phát triển

*** Về quy hoạch:**

- ***Đề án thành lập thị trấn Tân Bình:*** UBND tỉnh đã ban hành Tờ trình số 3730/TTr-UBND ngày 05/8/2020 trình Chính phủ xem xét, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định thành lập thị trấn Tân Bình.

- ***Quy hoạch xây dựng vùng:*** UBND huyện đã trình Sở Xây dựng thẩm định Đồ án quy hoạch tại Tờ trình số 2300/TTr-UBND ngày 13/8/2020; hiện đang chờ Tỉnh phê duyệt.

*** Về xây dựng:**

Đã cấp 141 giấy phép xây dựng cho người dân. Qua kiểm tra, có 60 trường hợp xây dựng nhà ở và công trình sai quy định, đã xử phạt với tổng số tiền là 860 triệu đồng; đồng thời yêu cầu các tổ chức, cá nhân vi phạm khắc phục hậu quả theo quy định.

*** Về đầu tư phát triển:** Tổng số dự án đầu tư trên địa bàn huyện là 116 dự án, trong đó có: 25 dự án chuẩn bị đầu tư, 60 dự án chuyển tiếp và 31 dự án khởi công mới; với tổng vốn là 824 tỷ 384 triệu đồng. Giá trị giải ngân đến nay được 574 tỷ 823 triệu đồng, đạt 69,73% kế hoạch.

*** Tình hình thực hiện các dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng:** Trong 9 tháng đầu năm, đã giải quyết dứt điểm 8 dự án; còn lại 15 dự án đang tiếp tục tập trung triển khai thực hiện.

5. Tài nguyên – Môi trường

- ***Công tác rà soát các tuyến đường GTNT hiện hữu cập nhật lên bản đồ địa chính:*** đến nay đã hoàn tất việc rà soát các tuyến đường GTNT hiện hữu đề nghị cập nhật lên bản đồ địa chính trên địa bàn 10 xã, thị trấn; đồng thời đã trình UBND tỉnh xem xét, cập nhật theo quy định.

- ***Công tác rà soát danh mục các tuyến đường, đoạn đường đủ điều kiện tách thửa:*** UBND huyện đã phê duyệt danh mục các tuyến đường, đoạn đường đủ điều kiện tách thửa trên địa bàn 10 xã, thị trấn. Đồng thời chỉ đạo UBND các xã, thị trấn tiếp tục rà soát lại danh mục theo Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 03/12/2019 của UBND tỉnh để làm cơ sở xem xét, giải quyết tách thửa cho người dân đúng quy định.

- ***Công tác kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019:*** đã hoàn chỉnh hồ sơ và trình Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

- **Công tác lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021:** đã phê duyệt đề cương, dự toán kinh phí thực hiện, hiện đang thực hiện thủ tục thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- **Công tác rà soát, quản lý đất công đất công ích:** 10/10 xã, thị trấn trên địa bàn huyện đều đã được phê duyệt danh mục quỹ đất công, đất công ích, với diện tích 5.544.000m². Trong đó, có 09/10 xã, thị trấn đã được UBND tỉnh giao đất, công nhận quyền sử dụng đất (*riêng xã Tân Bình đang hoàn chỉnh hồ sơ*), với tổng diện tích là 4.118.251,6m². Đã phê duyệt phương án đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất công ích đối với 09/10 xã, thị trấn (*trừ xã Tân Bình*), trong đó có 05 xã – thị trấn (*Tân Thành, Hiếu Liêm, Lạc An, Tân Định và Đất Cuốc*) đã hoàn thành công tác đấu giá, các xã còn lại đang tổ chức đấu giá theo quy định.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Các kết quả đạt được

Đã huy động được nhiều nguồn lực vào đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật theo các tuyến đường trục và trong các khu công nghiệp, đô thị; kết hợp tốt giữa phát triển các khu công nghiệp với các khu dân cư, cùng với cơ chế thu hút đầu tư tốt đã có sức hút mạnh các nhà đầu tư vào phát triển trong các khu công nghiệp, khu dân cư, đô thị, du lịch.

2. Những tồn tại, hạn chế

- Lĩnh vực nông nghiệp phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của Huyện. Chưa phát động được tối đa mọi nguồn lực xã hội tham gia vào quá trình xây dựng nông thôn mới nên kết quả thực hiện trong thời gian quan đạt được còn chậm và thấp.

- Mặc dù đã hình thành được các khu, cụm công nghiệp nhưng do nằm ở vị trí chưa thuận lợi so với các địa phương khác trong Tỉnh, cùng với hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là hạ tầng giao thông thiếu đồng bộ nên số lượng doanh nghiệp đến đầu tư còn ít, chủ yếu là doanh nghiệp vừa và nhỏ, giá trị sản xuất công nghiệp chưa cao.

- Thương mại, dịch vụ chưa phát triển. Các ngành dịch vụ phục vụ nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của người dân như: ngân hàng, dịch vụ nông nghiệp, công nghiệp ...nhìn chung còn rất hạn chế về cả số lượng và chất lượng.

- Vấn đề cung ứng nguồn nhân lực cho các khu công nghiệp, dịch vụ còn hạn chế cả về số lượng và chất lượng lao động; đặc biệt thiếu lao động kỹ thuật cao và quản lý cho các khu công nghiệp.

PHẦN II

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020

Danh mục dự án công trình thuộc diện thu hồi đất trong năm 2020 trên địa bàn huyện Bắc Tân Uyên đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương thông qua tại Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 12/12/2020. Trên cơ sở đó, UBND huyện Bắc Tân Uyên đã xây dựng báo cáo kế hoạch sử dụng đất năm 2020 và đã được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt tại Quyết định số 4088/QĐ-UBND ngày 31/12/2020.

Nhằm đáp ứng nhu cầu đăng ký bổ sung các danh mục công trình trong năm kế hoạch 2020 cũng như rà soát các danh mục không có khả năng thực hiện trong năm 2020, UBND tỉnh Bình Dương cũng đã có Tờ trình số 2714/TTr - UBND ngày 09/6/2020 về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục các công trình, dự án vào kế hoạch sử dụng đất năm 2020. Trên cơ sở đó, Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương cũng đã thông qua Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 20/7/2020 về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 12/12/2020. Theo đó, UBND tỉnh Bình Dương đã ban hành về việc bổ sung, điều chỉnh danh mục công trình, dự án thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất tại Quyết định số 4088/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Bắc Tân Uyên.

Kết quả thực hiện danh mục công trình và các chỉ tiêu sử dụng đất trong năm kế hoạch 2020 huyện Bắc Tân Uyên được đánh giá dựa trên Nghị quyết số 50/NQ-HĐND, Quyết định số 4088/QĐ-UBND, kết quả điều chỉnh bổ sung tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND. Cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG NĂM 2020

Tổng số công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2020 là 73 công trình, dự án với tổng diện tích 1.690,86ha. Kết quả thực hiện trong năm 2020 như sau:

**Bảng 2: Kết quả thực hiện công trình, dự án trong năm 2020
huyện Bắc Tân Uyên – tỉnh Bình Dương**

S ố T T	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	KH2020		Kết quả thực hiện							
					Đã thực hiện		Đang thực hiện (chuyển tiếp 2021)		Chưa thực hiện (chuyển tiếp 2021)		Không chuyển tiếp KH năm 2021	
			Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)
	Tổng		73	1.690,86	13	152,50	55	1.272,08	1	200,00	4	66,28
	Tỷ lệ (%)		100,00	100,00	17,81	9,02	75,34	75,23	1,37	11,83	5,48	3,92
1	Đất quốc phòng	CQP	6	85,96	2	8,96	2	67,00			2	10,00
2	Đất an ninh	CAN	2	4,13	1	1,50	1	2,63				
3	Đất khu công nghiệp	SKK	3	1.223,40		122,60	2	900,80	1	200,00		
4	Đất cơ sở sản xuất PNN	SKC	5	19,11			5	19,11				

S ố T T	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	KH2020		Kết quả thực hiện							
					Đã thực hiện		Đang thực hiện (chuyển tiếp 2021)		Chưa thực hiện (chuyển tiếp 2021)		Không chuyển tiếp KH năm 2021	
			Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)
	Tổng		73	1.690,86	13	152,50	55	1.272,08	1	200,00	4	66,28
	Tỷ lệ (%)		100,00	100,00	17,81	9,02	75,34	75,23	1,37	11,83	5,48	3,92
5	Đất thương mại dịch vụ	TMD	1	0,15			1	0,15				
6	Đất phát triển hạ tầng	DHT	40	209,41	8	19,17	32	190,24				
-	Đất giao thông	DGT	22	182,32	1	0,99	21	181,33				
-	Đất thủy lợi	DTL	1	1,47			1	1,47				
-	Đất công trình năng lượng	DNL	5	1,15			5	1,15				
-	Đất cơ sở văn hoá	DVH	6	18,40	5	16,37	1	2,03				
-	Đất cơ sở GD & ĐT	DGD	3	4,51	2	1,81	1	2,70				
-	Đất cơ sở y tế	DYT	1	0,70			1	0,70				
-	Đất chợ	DCH	2	0,86			2	0,86				
7	Đất bãi thải, XL chất thải	DRA	1	46,00							1	46,00
8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	1	13,18			1	13,18				
9	Đất SX VLXD, đồ gốm	SKX	8	55,28			8	55,28				
10	Đất ở tại nông thôn	ONT	3	26,01			2	15,73			1	10,28
11	Đất ở tại đô thị	ODT	1	7,96			1	7,96				
12	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	2	0,27	2	0,27						

Nguồn: - Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 và Quyết định số 4088/QĐ-UBND ngày 31/12/2019;
- Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 20/7/2020 và Quyết định số 2947/QĐ-UBND ngày 02/10/2020.

(1). Công trình đã thực hiện: 13 công trình (chiếm 17,81% về số lượng dự án) với diện tích 152,50ha (9,02% tổng diện tích).

(2). Công trình đang thực hiện: 55 công trình (chiếm 75,34% về số lượng dự án) với diện tích là 1.272,08ha (75,23% tổng diện tích). Nguyên nhân dẫn đến diện tích của nhóm công trình, dự án đang thực hiện chiếm tỷ lệ cao so với tổng diện tích đất đưa vào thực hiện theo kế hoạch năm 2021 là do các công trình có quy mô diện tích lớn, chưa triển khai thực hiện hoàn tất trong năm 2020, phải chuyển tiếp sang năm kế hoạch 2021 như: KCN Đất Cuốc (đang triển khai, đã ban hành Quyết định thu hồi đất, QĐ phê duyệt phương án bồi thường 3 đợt trong giai đoạn 1 với tổng diện tích 122,6ha); Đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng (55,14ha).

(3). Công trình chưa thực hiện, chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2021: 01 công trình (chiếm 1,37% về số lượng dự án) với diện tích là 200,00ha (11,83% tổng diện tích), là công trình đất khu công nghiệp (Khu công nghiệp Tân Lập I – 200,00ha).

(4). Công trình, dự án chưa thực hiện, không chuyển tiếp trong năm 2021: 04 công trình (chiếm 5,48% về số lượng dự án) gồm 02 công trình thuộc diện thu hồi

đất, 02 công trình thuộc diện chuyển mục đích sử dụng đất với tổng diện tích là 66,28ha (3,92% tổng diện tích).

1. Kết quả thực hiện các CT, DA thuộc diện thu hồi đất trong năm 2020

Trong số 73 công trình, dự án của kế hoạch sử dụng đất năm 2020, có 53 công trình, dự án (chiếm 72,60% tổng số lượng CT, DA) thuộc diện thu hồi đất với tổng diện tích cần thu hồi đất là 1.524,91ha (90,19% tổng diện tích).

Bảng 3: Kết quả thực hiện công trình, dự án thuộc diện thu hồi đất trong năm 2020 huyện Bắc Tân Uyên – tỉnh Bình Dương

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng số CT, DA Thu hồi		Kết quả thực hiện thu hồi đất							
					Đã thu hồi		Đang thu hồi; chuyển tiếp KH2021		Chưa thu hồi; chuyển tiếp KH2021		Không chuyển tiếp KH năm 2021	
			Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)
	Tổng		53	1.524,91	13	152,50	37	1.162,41	1	200,00	2,00	10,00
1	Đất quốc phòng	CQP	6	85,96	2	8,96	2	67,00			2	10,00
2	Đất an ninh	CAN	2	4,13	1	1,50	1	2,63				
3	Đất khu công nghiệp	SKK	3	1.223,40		122,60	2	900,80	1	200,00		
4	Đất cơ sở sản xuất PNN	SKC										
5	Đất thương mại dịch vụ	TMD										
6	Đất phát triển hạ tầng	DHT	39	209,15	8,00	19,17	31	189,98				
-	Đất giao thông	DGT	22	182,32	1	0,99	21	181,33				
-	Đất thủy lợi	DTL	1	1,47			1	1,47				
-	Đất công trình năng lượng	DNL	5	1,15			5	1,15				
-	Đất cơ sở văn hoá	DVH	6	18,40	5	16,37	1	2,03				
-	Đất cơ sở GD & ĐT	DGD	3	4,51	2	1,81	1	2,70				
-	Đất cơ sở y tế	DYT	1	0,70			1	0,70				
-	Đất chợ	DCH	1	0,60			1	0,60				
7	Đất bãi thải, XL chất thải	DRA										
8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS										
9	Đất SX VLXD, đồ gốm	SKX	1	2,00			1	2,00				
10	Đất ở tại nông thôn	ONT										
11	Đất ở tại đô thị	ODT										
12	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	2	0,27	2	0,27						

Nguồn: Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 12/12/2019; Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 20/7/2020

Trong đó:

+ **Đã thu hồi đất:** Tổng diện tích đã thu hồi đất là 152,50ha. Trong đó bao gồm Khu Công nghiệp Đất Cuốc (giai đoạn 1 – 122,60ha) và 13/53 công trình, dự án với diện tích 29,90ha, cụ thể theo **Bảng 4:**

Bảng 4: Danh mục công trình, dự án đã thu hồi đất trong năm 2020 huyện Bắc Tân Uyên – tỉnh Bình Dương

S T T	HẠNG MỤC	Mã QH	Diện tích QH (ha)	Xã, thị trấn	Vị trí (Số tờ, Số thửa)	Năm đăng ký Kế hoạch
1	Đường vào trụ sở mới BCH quân sự huyện	CQP	0,16	Tân Thành	1 phần thửa số 19, tờ 31	KH2017
2	Bồi thường, hỗ trợ mở rộng công an huyện (Khu tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính cho Công an huyện Bắc Tân Uyên)	CAN	1,50	Đất Cuốc	Thửa đất số 39, 1 phần thửa số 38 tờ bản đồ số 30	KH2017
3	Lữ đoàn 550- Quân đoàn 4	CQP	8,80	Hiếu Liêm	Thửa đất số 446, tờ bản đồ số 5	KH2019 (bổ sung)
4	Bồi thường, hỗ trợ nâng cấp mở rộng tuyến đường Tân Thành 27 đến Trung tâm Sở Chỉ huy	DGT	0,99	Tân Thành	1 phần thửa đất số 19, 20, 5, 6, 91, tờ bản đồ số 31, 37	KH2019
5	Trung tâm VH xã Lạc An	DVH	3,69	Lạc An	Thửa 303, 340 tờ 32	KH2016
6	Trung Tâm VH xã Đất Cuốc	DVH	2,69	Đất Cuốc	thửa 55 tờ bản đồ 01	KH2019
7	Trung Tâm VH xã Tân Định (giai đoạn 1) và phần đất dự trữ xây dựng trường THCS Tân Định	DVH	5,00	Tân Định	1 phần thửa đất số 66, tờ bản đồ số 47	KH2019
8	Trung Tâm VH xã Tân Lập	DVH	3,00	Tân Lập	1 phần thửa 88 tờ bản đồ 16	KH2020
9	Trung Tâm VH xã Hiếu Liêm	DVH	1,99	Hiếu Liêm	Thửa 1136 tờ 50	KH2020
10	Mở rộng Trường Mầm non Hoa Cúc (xây dựng bổ sung mới 06 phòng học)	DGD	0,15	Bình Mỹ	1pt 46, tờ bản đồ 41	KH2019
11	Trường MN Sơn Ca	DGD	1,66	Tân Định	1pt 88 tờ 47	KH2019
12	Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt cộng đồng xã Lạc An	DSH	0,15	Lạc An	thửa 50,43, tờ 33	KH2019
13	Văn phòng khu phố 4 Tân Thành	DSH	0,12	Tân Thành	1 phần thửa 59 tờ 31	KH2019

+ **Đang trình thu hồi đất hoặc đã thu hồi, giao đất được một phần:** 37/53 công trình, dự án với diện tích là 1.162,41ha, cụ thể theo **Bảng 5:**

Bảng 5: Danh mục công trình, dự án đang trình thu hồi đất hoặc đã thu hồi, giao đất một phần trong năm 2020 huyện Bắc Tân Uyên – tỉnh Bình Dương

S T T	HẠNG MỤC	Mã QH	Diện tích QH (ha)	Xã, thị trấn	Vị trí (Số tờ, Số thửa)	Năm đăng ký Kế hoạch
1	Ban chỉ huy quân sự huyện	CQP	7,00	Tân Thành	Thửa 19, tờ 31	KH2015
2	Khu Căn cứ hậu cần - kỹ thuật	CQP	60,00	Lạc An	tờ 37, 39	KH2019
3	Xây dựng Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Tân Thành (Trụ sở làm việc Phòng Cảnh sát PC&CC huyện Bắc Tân Uyên)	CAN	2,63	Tân Thành	1 pt 52 tờ 31	KH2019
4	KCN Đất Cuốc	SKK	342,00	Đất Cuốc	Tờ 38, 39	KH2016 + (đăng

S T T	HẠNG MỤC	Mã QH	Diện tích QH (ha)	Xã, thị trấn	Vị trí (Số tờ, Số thửa)	Năm đăng ký Kế hoạch
						ký GD2 205,52ha)
5	KCN VSIP III	SKK	804,00	Tân Lập	Tờ 17, 18, 19	KH2018
6	Đường Thủ Biên - Đất Cuốc	DGT	79,60	Thường Tân, Tân Mỹ	Tờ bản số 28, 27, 19, 9, 10, 34 xã Thường Tân; tờ 52, 61, 12, 51, 40, 8, 9, 10, 4, 62 xã Tân Mỹ	KH2017
7	Đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng	DGT	55,14	Tân Định, Tân Thành	Đoạn từ Tân Định - Tân Thành	KH2017
8	Nâng cấp mở rộng đường ĐT747a đoạn từ dốc Bà Nghĩa đến ngã ba Cổng Xanh (Nút giao đường ĐT742 và ĐT 747a) (đầu tư cải tạo nút giao thông tại giao lộ giữa đường ĐT.747, ĐT 742, đường Tân Bình 39 và Tân Bình 41)	DGT	2,50	Tân Bình	tờ bản đồ số 14, 18	KH2018
9	Đầu tư xây dựng mới đường và cầu Vàm Tư	DGT	6,90	Tân Định	tờ 16, 17, 18 xã Bình Mỹ; tờ 40, 48 xã Tân Định	KH2019
10	Xây dựng cống hộp Suối Đá	DGT	1,45	Tân Định - Bình Mỹ	tờ 17 xã Bình Mỹ; tờ 48 xã Tân Định	KH2019
11	Xây dựng cống hộp Suối Đĩa	DGT	0,23	Tân Định - Tân Lập	tờ 27 xã Tân Định; tờ số 2 xã Tân Lập	KH2019
12	Nâng cấp bê tông nhựa đường Tân Mỹ 03	DGT	0,15	Bình Mỹ	Điểm đầu giáp đường DT746 - Điểm cuối tại Km1+275	KH2019
13	Đường Tân Thành 39, 40	DGT	0,15	Tân Thành	1pt 42, 21, 11, 12, 3 tờ bản đồ 24	KH2020
14	Đường Đất Cuốc - Tân Mỹ	DGT	1,70	Đất Cuốc, Tân Mỹ	Điểm đầu giáp đường Thủ Biên Đất Cuốc- Điểm cuối tại đường Đất Cuốc 09	KH2020
15	Nâng cấp BTN tuyến đường giao thông từ giáp đường Tân Thành 62 đến đường Tân Thành 01	DGT	0,16	Tân Thành	Điểm đầu giáp ĐT 746 - Điểm cuối giáp đường Tân Thành 01	KH2020
16	Nâng cấp đường ĐT 746 đoạn từ Cầu Gỗ đến Hiếu Liêm	DGT	39,84	Tân Mỹ, Thường Tân, Lạc An, Hiếu Liêm	Đoạn từ Tân Mỹ đến Hiếu Liêm	KH2020
17	Nâng cấp mở rộng đường ĐT 746 đoạn từ ngã 3 Tân Thành đến ngã 3 Hội Nghĩa (đoạn qua xã Tân Lập và Tân Thành)	DGT	29,91	Tân Thành, Tân Lập	Đoạn từ Tân Thành - Tân Lập	KH2020
18	Công trình Đường dây 110kV Phú	DNL	0,15	Bình	Bình Mỹ, Tân Lập	KH2018

S T T	HẠNG MỤC	Mã QH	Diện tích QH (ha)	Xã, thị trấn	Vị trí (Số tờ, Số thửa)	Năm đăng ký Kế hoạch
	Giáo – TBA 220kV Uyên Hưng			Mỹ (0,11), Tân Lập (0,04)		
19	Bồi thường, hỗ trợ di dời các hộ dân thuộc khu vực có nguy cơ sạt lở ven sông Đồng Nai	DTL	1,47	Lạc An, Tân Mỹ	Đoạn sông qua xã Tân Mỹ, Lạc An	KH2019
20	Trung Tâm VH xã Bình Mỹ	DVH	2,03	Bình Mỹ	1pt174 tờ 53	KH2020
21	Mở rộng Trung tâm y tế huyện	DYT	0,70	Tân Thành	1 phần thửa 15 tờ 32	KH2019
22	Bồi thường, hỗ trợ xây dựng Trường THCS Bình Mỹ	DGD	2,70	Bình Mỹ	1 phần thửa đất số 177 tờ bản đồ số 52	KH2019
23	Mở rộng khu chế biến mỏ đá Thường Tân - Công ty cổ phần Đá Hoa Tân An	SKX	2,00	Thường Tân	Thửa đất số: 591, 587, 586, 588, 589, 590, 870, 23, 22, 55, 54, tờ bản đồ số 31, 25; Thửa đất số: 52, 49, 48, 135, 131, 134, 406, 282, 281, 280, 431, 279, 278, 916 tờ bản đồ số 31	KH2020 (bổ sung)
24	Trạm biến áp 110kV Thường Tân và đường dây 110kV Uyên Hưng - Thường Tân	DNL	0,30	Tân Mỹ	thửa đất số 278 đến thửa 288 tờ bản đồ số 4; thửa đất số 256, 257, 258 tờ bản đồ số 5; thửa đất số 656 đến thửa 665 tờ bản đồ số 09	KH2020 (bổ sung)
25	Trạm biến áp 110kV VSIP2-MR2 và đường dây đấu nối	DNL	0,30	Bình Mỹ	thửa đất số 4 tờ 45; thửa 112, 131, 202 tờ bản đồ số 46; thửa 37 tờ 55; thửa 8, 82, 83, 93 tờ 54; thửa 156, 155, 162 tờ 53; thửa 116, 76, 90, 58, 56, 61, 66 tờ 52; thửa 17 tờ 51; thửa 11 tờ 75; thửa 33, 34, 35 tờ 74	KH2020 (bổ sung)
26	TBA 110kV Cống Xanh và đường dây đấu nối	DNL	0,40	Tân Bình	KCN Tân Bình (thửa 130, 131, 132, 1pt 59, 70 tờ bản đồ số 39)	KH2020 (bổ sung)
27	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH.436	DGT	0,95	Đất Cuốc	Đầu tuyến: từ ngã ba Cây Trắc giao với đường ĐH.411 Cuối tuyến: Giao với đường ĐH.415 đi vào Khu tưởng niệm chiến khu D	KH2020 (bổ sung)
28	Nâng cấp BTN đường Hiếu Liêm 13 (giai đoạn 1)	DGT	0,20	Hiếu Liêm	Đầu tuyến: giáp đường ĐT.746 Cuối tuyến: lý trình km1+00	KH2020 (bổ sung)
29	Nâng cấp BTN đường Tân Thành 28	DGT	0,48	Tân Thành	Đầu tuyến: giáp đường ĐH.411 Cuối tuyến: tiếp giáp Công trình Trường THPT Lê Lợi	KH2020 (bổ sung)

S T T	HẠNG MỤC	Mã QH	Diện tích QH (ha)	Xã, thị trấn	Vị trí (Số tờ, Số thửa)	Năm đăng ký Kế hoạch
					(Km0+363)	
30	Nâng cấp BTXM đường Thường Tân 21, Thường Tân 24	DGT	0,55	Thường Tân	-Thường Tân 21: Đầu tuyến giáp đường Thường Tân 18, cuối tuyến Hẻm cắt (Km0+618) -Thường Tân 24: Đầu tuyến giáp Thường Tân 25, cuối tuyến giáp Nghĩa trang ấp 5 (Km0+408)	KH2020 (bổ sung)
31	Nâng cấp BTXM đường Lạc An 30	DGT	0,60	Lạc An	Đầu tuyến giáp Lạc An 24 (sát bên giáo xứ Hoàng Châu) Cuối tuyến: giáp cầu Ông Tụ ra đường Thường Tân 02 (Km0+992)	KH2020 (bổ sung)
32	Nâng cấp BTXM đường Tân Bình 39, 56	DGT	0,20	Tân Bình	- Tân Bình 39: đầu tuyến giáp đường ĐT.741, cuối tuyến Km0+480 - Tân Bình 56: đầu tuyến giáp đầu đường ĐT.741, cuối tuyến Km0+496	KH2020 (bổ sung)
33	Nâng cấp BTXM đường Đất Cuốc 02, Đất Cuốc 08	DGT	0,18	Đất Cuốc	Đất Cuốc 02: đầu tuyến giáp đường ĐH411, cuối tuyến giáp Đất Cuốc 04 Đất Cuốc 08: đầu tuyến giáp Đất Cuốc 07, cuối tuyến Km 0+157	KH2020 (bổ sung)
34	Nâng cấp BTN đường Tân Định 02 (giai đoạn 1)	DGT	0,25	Tân Định	Đầu tuyến: Ngã 3 giáp đường Tân Định 03. Cuối tuyến giáp ngã 4 (cổng A) (Km0+847)	KH2020 (bổ sung)
35	Nâng cấp BTN đường Tân Thành 23 nối dài (đoạn cuối đường Tân Thành 23 đến giáp đường Tân Thành 13)	DGT	0,30	Tân Thành	Đầu tuyến: cuối đường Tân Thành 23. Cuối tuyến: giáp đường Tân Thành 13 (Km0+Km1+10)	KH2020 (bổ sung)
36	Phân pha dây dẫn đường dây 110kV Trị An - Phú Giáo	DNL	0.20	Hiếu Liêm, Tân Định, Bình Mỹ	Công trình dạng tuyến	KH2020 (bổ sung)
37	Xây dựng chợ Tân Định	DCH	0,60	Tân Định	thửa 453, tờ bản đồ 19	KH2020 (bổ sung)

+ Chưa thu hồi đất, chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2021: 01 công trình, dự án là công trình đất khu công nghiệp (Khu công nghiệp Tân Lập I) với diện tích là 200,00ha, cụ thể theo **Bảng 6:**

**Bảng 6: Danh mục công trình, dự án chưa thu hồi đất
trong năm 2020 huyện Bắc Tân Uyên – tỉnh Bình Dương**

S T T	HẠNG MỤC	Mã QH	Diện tích QH (ha)	Xã, thị trấn	Vị trí (Số tờ, Số thửa)	Năm đăng ký Kế hoạch
-	KCN Tân Lập I	SKK	200,00	Tân Thành (KH2020)	Thay đổi vị trí mới (KH2021) tại xã Tân Lập: Thửa 43, 45, 46, 39, 38, 29 tờ 15; Thửa 85, 74, 86 tờ 16; Thửa 1 tờ 19	KH2020

+ **Chưa thu hồi đất, không chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2021:** 02 công trình đất quốc phòng là Đồi Bà Cẩm (8,00ha) tại xã Lạc An; Đài quan sát tại đồi Lò Ô (2,00ha) tại xã Thường Tân.

2. Kết quả thực hiện các CT, DA thuộc diện CMD trong năm 2020

Trong số 73 công trình, dự án của kế hoạch sử dụng đất năm 2020, có 20 công trình, dự án (27,40% số lượng CT, DA) thuộc diện chuyển mục đích với tổng diện tích cần chuyển mục đích là 165,95ha (9,85% tổng diện tích). Trong đó:

+ **Đã chuyển mục đích:** chưa có công trình nào.

+ **Đang chuyển mục đích:** 18/20 CT, DA với diện tích là 109,67ha.

+ **Chưa chuyển mục đích, không chuyển tiếp trong KHSDĐ năm 2021:** 02/20 CT, DA. Gồm 01 công trình, dự án đất bãi thải, xử lý chất thải 46,00ha (của Công ty Cổ phần năng lượng tái tạo Toàn Cầu tại xã Bình Mỹ); 01 công trình đất ở tại nông thôn 10,28ha (Khu nhà ở Tân Uyên – Fico tại Đất Cuốc) bị thu hồi chủ trương đầu tư (theo văn bản số 3125/UBND-KT ngày 30/6/2020 của UBND tỉnh Bình Dương).

**Bảng 7: Kết quả thực hiện công trình, dự án thuộc diện chuyển mục đích
sử dụng đất trong năm 2020 huyện Bắc Tân Uyên – tỉnh Bình Dương**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng số CT, DA Chuyển mục đích		Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất (CMD)					
					Đã CMD		Đang CMD, chuyển tiếp KH2021		Không chuyển tiếp KH2021	
			Số lượng dự án	Diện tích (ha)	Số lượng dự án	Diện tích (ha)	Số lượng dự án	Diện tích (ha)	Số lượng dự án	Diện tích (ha)
	Tổng		20	165,95			18	109,67	2	56,28
1	Đất quốc phòng	CQP								
2	Đất an ninh	CAN								
3	Đất khu công nghiệp	SKK								
4	Đất cơ sở sản xuất PNN	SKC	5	19,11			5	19,11		
5	Đất thương mại dịch vụ	TMD	1	0,15			1	0,15		
6	Đất phát triển hạ tầng	DHT	1	0,26			1	0,26		
-	Đất giao thông	DGT								
-	Đất thủy lợi	DTL								
-	Đất công trình năng lượng	DNL								
-	Đất cơ sở văn hoá	DVH								

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng số CT, DA Chuyển mục dịch		Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất (CMD)					
					Đã CMD		Đang CMD, chuyển tiếp KH2021		Không chuyển tiếp KH2021	
			Số lượng dự án	Diện tích (ha)	Số lượng dự án	Diện tích (ha)	Số lượng dự án	Diện tích (ha)	Số lượng dự án	Diện tích (ha)
	Tổng		20	165,95			18	109,67	2	56,28
-	Đất cơ sở giáo dục & đào tạo	DGD								
-	Đất cơ sở y tế	DYT								
-	Đất chợ	DCH	1	0,26			1	0,26		
7	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	1	46,00					1	46,00
8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	1	13,18			1	13,18		
9	Đất SX VLXD, làm đồ gốm	SKX	7	53,28			7	53,28		
10	Đất ở tại nông thôn	ONT	3	26,01			2	15,73	1	10,28
11	Đất ở tại đô thị	ODT	1	7,96			1	7,96		
12	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH								

Nguồn: - Quyết định số 4088/QĐ-UBND ngày 31/12/2019; Quyết định số 2947/QĐ-UBND ngày 02/10/2020.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KHSDD NĂM 2020

1. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất phi nông nghiệp

Theo chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2020 (đã bao gồm các công trình bổ sung giữa năm kế hoạch 2020) đất phi nông nghiệp có diện tích là 7.415,29ha, tuy nhiên kết quả thực hiện đến năm 2020 là 5.792,84ha, thấp hơn 1.622,44ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân làm cho phần lớn các chỉ tiêu thấp hơn kế hoạch là các công trình có trong kế hoạch nhưng chưa triển khai thực hiện hoàn chỉnh trong năm 2020. Trong đó cụ thể các chỉ tiêu như sau:

- **Đất quốc phòng (CQP):** Kế hoạch năm 2020 là 302,97ha. Tuy nhiên kết quả thực hiện đến năm 2020 là 232,99ha, thấp hơn 69,98ha so với kế hoạch. Nguyên nhân do các công trình đất quốc phòng đang được triển khai thực hiện như: Đài quan sát Đồi Lò Ô, xã Thường Tân; Đồi Bà Cẩm, xã Lạc An; Ban chỉ huy quân sự huyện tại thị trấn Tân Thành; Khu căn cứ hậu cần kỹ thuật tại xã Lạc An (60,00ha).

- **Đất an ninh (CAN):** Kế hoạch năm 2020 là 282,52ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 là 228,76ha, thấp hơn 53,76ha so với kế hoạch. Nguyên nhân dẫn đến kết quả thực hiện năm 2020 thấp hơn rõ rệt so với kế hoạch năm 2020 là do kết quả kiểm kê đất đai năm 2019 đã cập nhật, xác định lại loại đất thuộc khu Trại giam Công an tỉnh (cơ sở 2) tại xã Tân Định. Trong kế hoạch năm 2020, đã thu hồi đất 01 công trình là Khu tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (Công an huyện Bắc Tân Uyên): 1,50ha. Còn lại 01 công trình đang thu hồi đất, chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2021 là Trụ sở làm việc Phòng Cảnh sát PC&CC huyện Bắc Tân Uyên (Xây dựng Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Tân Thành: 2,63ha).

- **Đất khu công nghiệp (SKK):** Kế hoạch năm 2020 là 1.780,69ha. Kết quả thực hiện là 631,33ha, thấp hơn 1.149,36ha, đạt 35,45% kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do tiến độ thực hiện các dự án còn chậm so với kế hoạch đề ra: Khu công nghiệp VSIP III (804,00ha); Khu công nghiệp Đất Cuốc (342,00ha) đang được triển khai. Hiện đã ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường 3 đợt trong giai đoạn 1 với tổng diện tích 122,6ha, phần diện tích còn lại được tiếp tục chuyển tiếp sang năm kế hoạch 2021.

- **Đất cụm công nghiệp (SKN):** Trong năm kế hoạch 2020, trên địa bàn huyện không thực hiện công trình thuộc chỉ tiêu đất cụm công nghiệp. Diện tích đất cụm công nghiệp đến năm 2020 trên địa bàn huyện là 94,51ha (*Cụm Công nghiệp Tân Mỹ của Công ty TNHH Tốt I trên địa bàn xã Tân Mỹ*).

- **Đất thương mại dịch vụ (TMD):** Kế hoạch được duyệt năm 2020 là 225,58ha, thực hiện được 52,63ha, thấp hơn 172,95ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do nhu cầu đăng ký chuyển mục đích sang đất TMD của các tổ chức; hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn toàn huyện trong năm 2020 đã triển khai thực hiện còn thấp. (*Chi tiết về tiến độ triển khai thực hiện trong kế hoạch năm 2020 tại Phụ lục 01: Đánh giá kết quả thực hiện danh mục công trình, dự án được phê duyệt trong KHSDĐ năm 2020.*)

- **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC):** Kế hoạch được duyệt năm 2020 là 563,05ha, kết quả thực hiện 400,01ha, thấp hơn 163,04ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do nhu cầu đăng ký chuyển mục đích của các tổ chức và hộ gia đình cá nhân trên địa bàn toàn huyện trong năm 2020 triển khai thực hiện còn thấp (*Phụ lục 01*).

- **Đất phát triển hạ tầng (DHT):** Kế hoạch được duyệt năm 2020 là 1.788,45ha với 40 công trình, dự án có trong kế hoạch sử dụng đất năm 2020 (bao gồm 15 công trình đất phát triển hạ tầng bổ sung giữa năm 2020 theo Nghị quyết 18/NQ-HĐND ngày 20/7/2020). Kết quả thực hiện là 1.699,37ha, thấp hơn 89,08ha so với kế hoạch được duyệt.

- Đã thực hiện 8/40 công trình, cụ thể theo **Bảng 8:**

Bảng 8: Danh mục công trình, dự án đất phát triển hạ tầng đã thực hiện trong năm 2020 huyện Bắc Tân Uyên – tỉnh Bình Dương

S T T	HẠNG MỤC	Mã QH	Diện tích QH (ha)	Xã, thị trấn	Vị trí (Số tờ, Số thửa)	Năm đăng ký Kế hoạch
1	Bồi thường, hỗ trợ nâng cấp mở rộng tuyến đường Tân Thành 27 đến Trung tâm Sở Chỉ huy	DGT	0,99	Tân Thành	1 phần thửa đất số 19, 20, 5, 6, 91, tờ bản đồ số 31, 37	KH2019
2	Trung tâm VH xã Lạc An	DVH	3,69	Lạc An	Thửa 303, 340 tờ 32	KH2016
3	Trung Tâm VH xã Đất Cuốc	DVH	2,69	Đất Cuốc	thửa 55 tờ bản đồ 01	KH2019
4	Trung Tâm VH xã Tân Định (giai đoạn	DVH		Tân Định	1 phần thửa đất số	KH2019

S T T	HẠNG MỤC	Mã QH	Diện tích QH (ha)	Xã, thị trấn	Vị trí (Số tờ, Số thửa)	Năm đăng ký Kế hoạch
	1) và phần đất dự trữ xây dựng trường THCS Tân Định		5,00		66, tờ bản đồ số 47	
5	Trung Tâm VH xã Tân Lập	DVH	3,00	Tân Lập	1 phần thửa 88 tờ bản đồ 16	KH2020
6	Trung Tâm VH xã Hiếu Liêm	DVH	1,99	Hiếu Liêm	Thửa 1136 tờ 50	KH2020
7	Mở rộng Trường Mầm non Hoa Cúc (xây dựng bổ sung mới 06 phòng học)	DGD	0,15	Bình Mỹ	1pt 46, tờ bản đồ 41	KH2019
8	Trường MN Sơn Ca	DGD	1,66	Tân Định	1pt 88 tờ 47	KH2019

- Còn lại 32 công trình đất phát triển hạ tầng: đang tiến khai thực hiện, chuyển tiếp sang kế hoạch năm 2021, chi tiết tiến độ thực hiện được nêu cụ thể trong **Bảng 9**.

Bảng 9: Tiến độ thực hiện các công trình đất phát triển hạ tầng đang thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2020 - H. Bắc Tân Uyên

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Xã, thị trấn	Năm kế hoạch	Tiến độ thực hiện
<i>i</i>	Đất giao thông				
1	Đường Thủ Biên - Đất Cuốc	79,60	Thường Tân, Tân Mỹ	2017	Đang thực hiện, còn chuyển tiếp KH2021, (Đoạn xã Thường Tân đã thu hồi đất 7 đợt với diện tích 20,35ha; đoạn xã Tân Mỹ đã thu hồi đất 8 đợt với diện tích 49,25 ha)
2	Đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng	55,14	Tân Định, Tân Thành	2017	Đang thực hiện, còn chuyển tiếp KH2021, (đã thu hồi đất 01 đợt tại thị trấn Tân Thành với diện tích 0,62 ha; đoạn xã Tân Định đã thu hồi đất 5 đợt với diện tích 28,57 ha)
3	Đầu tư cải tạo nút giao thông tại giao lộ giữa đường ĐT.747, ĐT 742, đường Tân Bình 39 và Tân Bình 41)	2,50	Tân Bình	2018	đang thực hiện
4	Đầu tư xây dựng mới đường và cầu Vàm Tư	6,90	Tân Định	2020	đang thực hiện
5	Xây dựng cống hộp Suối Đá	1,45	Tân Định, Bình Mỹ	2020	đang thực hiện
6	Xây dựng cống hộp Suối Đĩa	0,23	Tân Định, Tân Lập	2020	đang thực hiện
7	Nâng cấp bê tông nhựa đường Tân Mỹ 03	0,15	Bình Mỹ	2020 bổ sung	đang thực hiện
8	Đường Tân Thành 39, 40	0,15	Tân Thành	2020	đang thực hiện (đã thi công)
9	Đường Đất Cuốc - Tân Mỹ	1,70	Đất Cuốc, Tân Mỹ	2020	đang thực hiện
10	Nâng cấp BTN tuyến đường giao thông từ giáp đường Tân Thành 62	0,16	Tân Thành	2020	đang thực hiện

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Xã, thị trấn	Năm kế hoạch	Tiến độ thực hiện
	đền đường Tân Thành 01				
11	Nâng cấp đường ĐT 746 đoạn từ Cầu Gò đến Hiếu Liêm	39,84	Tân Mỹ, Thường Tân, Lạc An, Hiếu Liêm	2020	đang thực hiện
12	Nâng cấp mở rộng đường ĐT 746 đoạn từ ngã 3 Tân Thành đến ngã 3 Hội Nghĩa (đoạn qua xã Tân Lập và Tân Thành)	29,91	Tân Thành, Tân Lập	2020	đang thực hiện
13	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH.436	0,95	Đất Cuốc	2020 bổ sung	đang thực hiện
14	Nâng cấp BTN đường Hiếu Liêm 13 (giai đoạn 1)	0,2	Hiếu Liêm	2020 bổ sung	đang thực hiện
15	Nâng cấp BTN đường Tân Thành 28	0,48	Tân Thành	2020 bổ sung	đang thực hiện
16	Nâng cấp BTXM đường Thường Tân 21, Thường Tân 24	0,55	Thường Tân	2020 bổ sung	đang thực hiện
17	Nâng cấp BTXM đường Lạc An 30	0,6	Lạc An	2020 bổ sung	đang thực hiện
18	Nâng cấp BTXM đường Tân Bình 39, 56	0,2	Tân Bình	2020 bổ sung	đang thực hiện
19	Nâng cấp BTXM đường Đất Cuốc 02, Đất Cuốc 08	0,18	Đất Cuốc	2020 bổ sung	đang thực hiện
20	Nâng cấp BTN đường Tân Định 02 (giai đoạn 1)	0,25	Tân Định	2020 bổ sung	đang thực hiện
21	Nâng cấp BTN đường Tân Thành 23 nối dài (đoạn cuối đường Tân Thành 23 đến giáp đường Tân Thành 13)	0,3	Tân Thành	2020 bổ sung	đang thực hiện
II	Đất năng lượng				
22	Công trình Đường dây 110kV Phú Giáo – TBA 220kV Uyên Hưng	0,15	Bình Mỹ, Tân Lập	2020	Đang thực hiện (đang trình tỉnh thu hồi đất, qđ phê duyệt phương án)
23	Trạm biến áp 110kV Thường Tân và đường dây 110kV Uyên Hưng - Thường Tân	0,30	Tân Mỹ	2020 bổ sung	đang thực hiện
24	Trạm biến áp 110kV VSIP2-MR2 và đường dây đầu nối	0,30	Bình Mỹ	2020 bổ sung	đang thực hiện
25	TBA 110kV Cống Xanh và đường dây đầu nối	0,40	Tân Bình	2020 bổ sung	đang thực hiện
26	Phân pha dây dẫn đường dây 110kV Trị An - Phú Giáo	0,20	Hiếu Liêm, Tân Định, Bình Mỹ	2020 bổ sung	đang thực hiện
III	Đất thủy lợi				
27	Bồi thường, hỗ trợ di dời các hộ dân thuộc khu vực có nguy cơ sạt lở ven sông Đồng Nai	1,47	Lạc An, Tân Mỹ	2020	đang thực hiện
IV	Đất văn hóa				
28	Trung Tâm VH xã Bình Mỹ	2,03	Bình Mỹ	2016	Cập nhật lại diện tích mới (2,15ha); cập nhật lại tờ thửa địa chính mới (tách thành thửa 230; 231)

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Xã, thị trấn	Năm kế hoạch	Tiến độ thực hiện
V	Đất y tế				
29	Mở rộng Trung tâm y tế huyện	0,70	Tân Thành	2020	chưa thực hiện
VI	Đất giáo dục				
30	Bồi thường, hỗ trợ xây dựng Trường THCS Bình Mỹ	2,70	Bình Mỹ	2020	đang thực hiện
VII	Đất Chợ				
31	Xây dựng chợ Tân Định	0,60	Tân Định	2020 bổ sung	đang thực hiện
32	Chợ Tân Lập của HTX cao su Nhật Hưng	0,26	Tân Lập	2020 bổ sung	đang thực hiện

- **Đất có di tích lịch sử - văn hóa (DDT):** Kế hoạch năm 2020 được duyệt là 2,77ha, kết quả thực hiện đạt 37,41ha. Nguyên nhân do Kết quả số liệu kiểm kê đất đai năm 2019 do Phòng Tài nguyên và Môi trường cung cấp đã cập nhật lại diện tích khu di tích lịch sử Chiến khu Đ tại xã Đất Cuốc.

- **Đất bãi thải, xử lý chất thải (DRA):** Kế hoạch năm 2020 được duyệt là 46,00ha với dự án của Công ty CP năng lượng tái tạo Toàn Cầu tại xã Bình Mỹ. Tuy nhiên trong năm 2020 vẫn chưa thực hiện được dự án trên.

- **Đất ở tại nông thôn (ONT):** Kế hoạch năm 2020 được duyệt là 629,81ha, kết quả thực hiện là 565,25ha, thấp hơn 64,56ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do nhu cầu đăng ký chuyển mục đích của các tổ chức (*Khu nhà ở Thái Bình tại xã Tân Bình: 2,03ha; Dự án Khu nhà ở Quang Phúc 3 tại xã Bình Mỹ do Công ty TNHH phát triển nhà Quang Phúc làm chủ đầu tư: 13,70ha*) đang triển khai thực hiện, đăng ký chuyển tiếp sang năm 2021. Bên cạnh đó, có công trình của tổ chức bị thu hồi chủ trương thực hiện dự án (Khu nhà ở Tân Uyên – Fico (10,28ha) và nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở tại nông thôn của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn toàn huyện trong năm 2020 đã triển khai thực hiện còn thấp. (Phụ lục 01)

- **Đất ở tại đô thị (ODT):** Kế hoạch năm 2020 được duyệt là 52,62ha, kết quả thực hiện là 48,21ha, thấp hơn 4,40ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do nhu cầu đăng ký chuyển mục đích của các tổ chức và hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn toàn huyện trong năm 2020 đã triển khai thực hiện còn thấp. (Phụ lục 01)

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan (TSC):** Trong năm kế hoạch 2020 không thực hiện công trình thuộc chỉ tiêu đất trụ sở cơ quan, diện tích trong kế hoạch sử dụng đất năm 2020 là 63,75ha. Tuy nhiên, diện tích thực hiện trong năm 2020 là 12,68ha, thấp hơn 51,07ha so với kế hoạch. Nguyên nhân do diện tích thực hiện trong năm 2020 được cập nhật từ kết quả kiểm kê đất đai năm 2019.

- **Đất cơ sở tôn giáo (TON):** Trong năm kế hoạch 2020 không thực hiện công trình thuộc chỉ tiêu đất cơ sở tôn giáo, diện tích đất cơ sở tôn giáo theo kế hoạch sử dụng đất năm 2020 trên địa bàn Huyện đến năm 2020 là 14,48ha. Tuy nhiên, diện

tích thực hiện trong năm 2020 là 13,78ha, thấp hơn 0,70ha so với kế hoạch. Nguyên nhân do diện tích thực hiện trong năm 2020 được cập nhật từ kết quả kiểm kê đất đai năm 2019.

- **Đất nghĩa trang, nghĩa địa (NTD):** Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2020, không có công trình thuộc chỉ tiêu đất nghĩa trang, nghĩa địa. diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa theo kế hoạch sử dụng đất năm 2020 trên địa bàn Huyện đến năm 2020 là 97,41ha. Tuy nhiên, diện tích thực hiện trong năm 2020 là 97,19ha, thấp hơn 0,22ha so với kế hoạch. Nguyên nhân do diện tích thực hiện trong năm 2020 được cập nhật từ kết quả kiểm kê đất đai năm 2019 (*xác định lại mã loại đất tại khu di tích Miếu Ông Hồ (xã Bình Mỹ), xác định lại hiện trạng sử dụng đất nghĩa trang, nghĩa địa ở một số xã như Lạc An, Thường Tân*).

- **Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm (SKX):** Kết quả thực hiện trong năm 2020 là 594.20ha, tăng 67,35ha. Nguyên nhân do diện tích thực hiện trong năm 2020 được cập nhật từ kết quả kiểm kê đất đai năm 2019.

- **Đất sinh hoạt cộng đồng (DSH):** Kết quả thực hiện trong năm 2020 là 4,49ha. Trong kế hoạch 2020 có 2 công trình đã thu hồi đất xong, chuyển tiếp sang năm 2021 để thực hiện giao đất là:

+ Dự án xây dựng CT phục vụ sinh hoạt cộng đồng xã Lạc An (0,15ha).

+ Văn phòng khu phố 4 ở thị trấn Tân Thành (0,12ha).

- **Đất cơ sở tín ngưỡng (TIN):** Trong năm kế hoạch 2020 không thực hiện dự án thuộc chỉ tiêu đất cơ sở tín ngưỡng. Diện tích hiện trạng năm 2020 là 5,79ha.

- **Đất sông ngòi, kênh rạch, suối (SON):** Kế hoạch năm 2020 là 893,53ha, tuy nhiên kết quả thực hiện là 895,91ha, cao hơn 2,69ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do cập nhật về số liệu kiểm kê đất đai năm 2019 so với năm trước.

2. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp

Theo chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2020 đất nông nghiệp còn lại 32.615,46ha, tuy nhiên kết quả thực hiện đến năm 2020 diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn huyện Bắc Tân Uyên vẫn còn khoảng 34.237,91ha, còn 1.622,44ha chưa được chuyển so với kế hoạch được duyệt năm 2020, nguyên nhân là do nhiều công trình, dự án phi nông nghiệp trong kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được triển khai thực hiện còn thấp, chưa triển khai thực hiện hoàn chỉnh trong năm 2020. Trong đó, các chỉ tiêu cụ thể như sau:

- **Đất trồng lúa (LUA):** Kế hoạch năm 2020 còn lại 760,00ha, kết quả thực hiện là 840,46ha, còn lại 80,46ha chưa được chuyển so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân: Trong năm 2020, các hộ gia đình, cá nhân đã làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất lúa sang các loại đất khác còn thấp, chưa hoàn tất như đã đăng ký trong kế hoạch.

- **Đất trồng cây hàng năm khác (HNK):** Kế hoạch năm 2020 còn lại 325,51ha, kết quả thực hiện là 254,57ha, giảm 70,94ha. Nguyên nhân do cập nhật về số liệu kiểm kê đất đai năm 2019 so với năm trước (*thu hồi đất thực hiện dự án mở mới đường tạo lực Bắc Tân Uyên – Phú Giáo – Bàu Bàng và đường Thủ Biên – Đất Cuốc*).

- **Đất trồng cây lâu năm (CLN):** Kế hoạch năm 2020 còn lại 30.496,47ha, kết quả thực hiện là 32.086,08ha, còn lại 1.589,60ha chưa được chuyển so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân là do nhiều công trình chuyển mục đích từ đất trồng cây lâu năm sang đất phi nông nghiệp trong kế hoạch năm 2020 triển khai thực hiện chưa hoàn tất.

- **Đất rừng sản xuất (RSX):** Kế hoạch năm 2020 còn lại 806,02ha, kết quả thực hiện là 957,08ha, còn lại 151,06ha thực hiện chưa hoàn tất theo diện tích phân bổ trên địa bàn huyện Bắc Tân Uyên trong phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020.

- **Đất nuôi trồng thủy sản (NTS):** Kế hoạch năm 2020 có 66,57ha, kết quả thực hiện là 61,16ha. Nguyên nhân do cập nhật về số liệu kiểm kê đất đai năm 2019 so với năm trước.

- **Đất nông nghiệp khác (NKH):** Kế hoạch năm 2020 là 162,89ha, kết quả thực hiện là 160,54ha, thấp hơn 2,35ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do cập nhật về số liệu kiểm kê đất đai năm 2019 so với năm trước.

3. Kết quả thực hiện kế hoạch khai thác đất chưa sử dụng

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2020 trên địa bàn huyện Bắc Tân Uyên không có đất chưa sử dụng.

Bảng 10: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2020 H. Bắc Tân Uyên

Số TT	Chỉ tiêu	Hiện trạng năm 2019 (1) (ha)	Kế hoạch năm 2020 (2) (ha)	Thực hiện năm 2020 (3) (ha)	Kết quả thực hiện năm 2020			
					Diện tích thực hiện theo KH	Diện tích đã thực hiện	So sánh: tăng, giảm (-)	
							Tăng, giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)-(3)	(7)=(5)-(3)	(8)=(5)-(4)	(9)=(7)/(6)*100%
	Tổng diện tích tự nhiên	40.030,75	40.030,75	40.030,75				
1	Đất nông nghiệp	34.411,42	32.615,46	34.237,91	-1.795,96	-173,51	1.622,44	9,66
1.1	Đất trồng lúa	851,86	760,00	840,46	-91,86	-11,40	80,46	12,41
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>							
1.2	Đất trồng cây HN khác	254,92	325,51	254,57	70,59	-0,35	-70,94	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	32.125,84	30.496,47	31.964,08	-1.629,37	-161,76	1.467,60	9,93
1.4	Đất rừng phòng hộ							
1.5	Đất rừng đặc dụng							
1.6	Đất rừng sản xuất	957,08	806,02	957,08	-151,06		151,06	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	61,16	64,57	61,16	3,41		-3,41	

Số TT	Chỉ tiêu	Hiện trạng năm 2019 (⁽¹⁾ ha)	Kế hoạch năm 2020 (⁽²⁾ ha)	Thực hiện năm 2020 (⁽³⁾ ha)	Kết quả thực hiện năm 2020			
					Diện tích thực hiện theo KH	Diện tích đã thực hiện	So sánh: tăng, giảm (-)	
							Tăng, giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)-(3)	(7)=(5)-(3)	(8)=(5)-(4)	(9)=(7)/(6)*100%
	Tổng diện tích tự nhiên	40.030,75	40.030,75	40.030,75				
1.8	Đất làm muối							
1.9	Đất nông nghiệp khác	160,54	162,89	160,54	2,35		-2,35	
2	Đất phi nông nghiệp	5.619,33	7.415,29	5.792,84	1.795,96	173,51	-1.622,44	9,66
2.1	Đất quốc phòng	224,03	302,97	232,99	78,94	8,96	-69,98	11,35
2.2	Đất an ninh	227,26	282,52	228,76	55,26	1,50	-53,76	2,71
2.3	Đất khu công nghiệp	631,33	1.780,69	753,93	1.149,36	122,60	-1.026,76	10,67
2.4	Đất khu chế xuất							
2.5	Đất cụm công nghiệp	94,51	94,51	94,51				
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	51,88	225,58	52,63	173,70	0,75	-172,95	
2.7	Đất cơ sở SX PNN	390,47	563,05	400,01	172,58	9,54	-163,04	5,53
2.8	Đất sử dụng cho KS	27,04	40,29	27,04	13,25		-13,25	
2.9	Đất phát triển hạ tầng	1.679,60	1.788,45	1.698,77	108,85	19,17	-89,68	17,61
2.10	Đất có di tích lịch sử - VH	37,41	2,77	37,41	-34,64		34,64	
2.11	Đất danh lam thắng cảnh							
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải		46,00		46,00		-46,00	
2.13	Đất ở tại nông thôn	555,42	629,81	565,25	74,39	9,83	-64,56	13,21
2.14	Đất ở tại đô thị	47,32	52,62	48,21	5,30	0,89	-4,40	16,88
2.15	Đất XD trụ sở cơ quan	12,68	63,75	12,68	51,07		-51,07	
2.16	Đất XD trụ sở của TCSN	13,41	0,61	13,41	-12,80		12,80	
2.17	Đất XD cơ sở ngoại giao							
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	13,78	14,48	13,78	0,70		-0,70	
2.19	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	97,19	97,41	97,19	0,22		-0,22	
2.20	Đất sản xuất VLXD	594,20	526,85	594,20	-67,35		67,35	
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	4,22	4,10	4,49	-0,12	0,27	0,39	
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí	15,80	0,02	15,80	-15,78		15,78	
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	5,79	5,55	5,79	-0,24		0,24	
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch	895,91	893,22	895,91	-2,69		2,69	
2.25	Đất có MN chuyên dùng							
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	0,08	0,04	0,08	-0,04		0,04	
3	Đất chưa sử dụng							

Nguồn: (1) Diện tích theo kết quả kiểm kê đất đai ngày 31/12/2019 của huyện Bắc Tân Uyên

(2) KH năm 2020 trích theo Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 12/12/2019; QĐ số 4088/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Bình Dương; Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 20/7/2020; Quyết định số 2947/QĐ-UBND ngày 02/10/2020.

(3) Kết quả thực hiện là KQ của số kiểm kê đất đai ngày 31/12/2019 & KQ thực hiện 9 tháng năm 2020.

4. Đánh giá các CT, DA đã đăng ký quá 03 năm chuyển tiếp sang KH2021

Qua rà soát trong tổng số 56 công trình, dự án cần chuyển tiếp sang kế hoạch năm 2021, có 07 công trình, dự án thuộc diện đã quá 03 năm (đã đăng ký từ kế hoạch sử dụng đất năm 2018 trở về trước). Chi tiết các CT, DA như **bảng 11**:

Bảng 11: Danh mục CT, DA quá 03 năm chuyển tiếp sang KH2021

STT	HẠNG MỤC	Diện tích (ha)	Thực hiện	Cơ sở pháp lý	Tiến độ thực hiện
1	Ban chỉ huy quân sự huyện (Tân Thành)	7,00	KH2016 chuyển tiếp	Quyết định số 3599/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt KHSDĐ năm 2016; Quyết định số 3782/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh	Đã xây dựng, chưa thực hiện bồi thường. Đang vướng mắc ai làm chủ đầu tư thực hiện dự án (chưa thu hồi đất, bồi thường)
2	KCN Đất Cuốc	342,00	KH2016 chuyển tiếp + ĐK GĐ2 (205,52 ha)	Quyết định số 3599/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Bình Dương ; văn bản số 189/TTg-KTN ngày 13/2/2012; 4285/UBND-KTN ngày 03/12/2015 của UBND tỉnh.	Đang triển khai (Đã ban hành Quyết định thu hồi đất, QĐ phê duyệt phương án bồi thường 3 đợt trong giai đoạn 1 với tổng diện tích 122,6ha)
3	KCN VSIP III	804,00	KH2018	Công văn số 2139/TTg-KTN ngày 28/11/2016 của Thủ tướng CP và VB số 4714/UBND-KTTH ngày 08/12/2016 của UBND tỉnh Bình Dương V/v chủ trương đầu tư dự án XD và KD CSHT KCN VSIP III; VB số 3501/UBND-KTN ngày 14/8/2017 của UBND tỉnh Bình Dương V/v chấp thuận ranh giới quy hoạch KCN VSIP III; VB số VSIP/BOD/LE/17026 của Công ty LD TNHH KCN Việt Nam Singapore V/v đưa dự án Quy hoạch khu VSIP III vào KHSDĐ 2018 để thực hiện bồi thường giải tỏa	đang thực hiện
4	Đường Thủ Biên - Đất Cuốc (Thường Tân, Tân Mỹ)	79,60	KH2017 chuyển tiếp	QĐ số 728a/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của UBND tỉnh Bình Dương	Đang thực hiện, còn chuyển tiếp KH2021, (Đoạn xã Thường Tân đã thu hồi đất 7 đợt với diện tích 20,35ha; đoạn xã Tân Mỹ đã thu hồi đất 8 đợt với diện tích 49,25 ha)
5	Đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng (Tân Định, Tân Thành)	55,14	KH2017 chuyển tiếp	Tờ trình số 2304/TTr-UBND ngày 05/10/2017 của UBND huyện Bắc Tân Uyên	Đang thực hiện, chuyển tiếp KH2021, (đã thu hồi đất 01 đợt tại thị trấn Tân Thành với diện tích 0,62 ha; đoạn xã Tân Định đã THĐ 5 đợt với 28,57 ha)
6	Nâng cấp mở rộng đường ĐT747a đoạn từ dốc Bà Nghĩa đến ngã ba Cổng Xanh (Nút giao đường ĐT742 và ĐT 747a) (đầu tư cải tạo nút giao thông tại giao lộ giữa đường ĐT.747, ĐT 742, đường Tân Bình 39 và Tân Bình 41)	2,50	KH2018	QĐ số 1149/QĐ-UBND ngày 08/05/2017 của UBND tỉnh Bình Dương; công văn số 183/HĐND-KTTS ngày 25/11/2016; VB số 2231/UBND-KTTH ngày 06/8/2017; VB 3470/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 của UBND tỉnh; văn bản số 2163/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 của UBND tỉnh Bình Dương	Đang thực hiện
7	Công trình Đường dây 110kV Phú Giáo – TBA 220kV Uyên	0,15	KH2018	CV 4677/PCBD-KHVT ngày 06/11/2017 của Công ty Điện lực Bình Dương V/v Đăng ký	Đang thực hiện

STT	HẠNG MỤC	Diện	Thực hiện	Cơ sở pháp lý	Tiến độ thực hiện
	Hung			KHSDD năm 2018 cho các công trình lưới điện 110kV trên địa bàn tỉnh Bình Dương; QĐ 1924/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của UBND huyện BTU	

Huyện đã thống nhất đề xuất tiếp tục chuyển tiếp tất cả 07 Công trình, dự án trên sang kế hoạch năm 2021. Các công trình, dự án nêu trên đã có chủ trương và có sở pháp lý để thực hiện, đang tiến hành triển khai các thủ tục về đất đai tuy nhiên vướng 02 lý do sau mà cần phải tiếp tục chuyển tiếp thực hiện trong năm kế hoạch 2021 để hoàn tất:

1. Do quy mô diện tích lớn, chưa triển khai thực hiện hoàn tất trong năm 2020, phải chuyển tiếp sang năm kế hoạch 2021: KCN Đất Cuốc (đang triển khai, đã ban hành Quyết định thu hồi đất, QĐ phê duyệt phương án bồi thường 3 đợt trong giai đoạn 1 với tổng diện tích 122,6ha); Đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng (55,14ha).

2. Do các công trình, dự án phải thực hiện một loạt các thủ tục về công tác đầu tư như: *phê duyệt dự án đầu tư giải phóng mặt bằng công trình; ban hành Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm hiện trạng của dự án; Ban hành thông báo thu hồi đất đến các hộ có đất nằm trong phạm vi ảnh hưởng của dự án; phê duyệt đơn giá bồi thường đất, ban hành quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ...* Đặc biệt, các thủ tục bồi thường, giải phóng mặt bằng thường kéo dài khi chưa có sự đồng thuận của người dân.

III. NHỮNG TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN CỦA NHỮNG TỒN TẠI TRONG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020

1. Những tồn tại trong thực hiện KHSDD năm 2020

Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt đã tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho công tác quản lý đất đai trên địa bàn Huyện, nhất là trong công tác giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất,... Tuy nhiên, qua đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất cho thấy vẫn còn tồn tại: Các công trình, dự án phi nông nghiệp phải mất thời gian dài trong khảo sát thiết kế, đền bù giải tỏa và xây dựng, trong khi kế hoạch sử dụng đất xây dựng hàng năm (thời gian thực hiện ngắn) nên kết quả thực hiện chậm so với kế hoạch đề ra. Vì vậy các công trình, dự án đã có trong kế hoạch nhưng chưa triển khai thực hiện phải chuyển tiếp qua năm sau.

2. Nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện KHSDD năm 2020

- Nhà nước rất khó điều phối việc sử dụng đất theo kế hoạch sử dụng đất vì quy định của các dự án kinh doanh phải thỏa thuận chuyển nhượng đất với người đang sử dụng đất.

- Nhiều chủ đầu tư đăng ký nhu cầu sử dụng đất trong năm kế hoạch nhưng chưa cân nhắc đến khả năng triển khai dự án, trong khi thiếu chế tài để xử lý các trường hợp này. Dẫn đến, nhiều công trình, dự án phải chuyển tiếp sang năm sau.

PHẦN III
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN

I. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021

1. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

Trên cơ sở kết quả đăng ký nhu cầu sử dụng đất vào kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của các ngành, các cấp có liên quan đến sử dụng đất trên địa bàn Huyện; đồng thời cân nhắc khả năng đầu tư thực hiện trong năm 2021 (dựa trên các cơ sở pháp lý, chủ trương đầu tư của các cấp có thẩm quyền), dự báo nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp và phi nông nghiệp trong năm 2021 trên địa bàn huyện Bắc Tân Uyên như sau:

- **Đất nông nghiệp:** có diện tích là 32.251,25ha, chiếm 80,57% tổng diện tích tự nhiên, giảm 1.986,66ha so với năm 2020, do chuyển sang đất phi nông nghiệp.

- **Đất phi nông nghiệp:** có diện tích là 7.779,50ha, chiếm 19,43% tổng diện tích tự nhiên, tăng 1.986,66ha so với năm 2020, do chuyển từ đất nông nghiệp (*chủ yếu là chuyển đất trồng cây lâu năm*) sang đất phi nông nghiệp.

2. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Trên cơ sở tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất trong năm kế hoạch sử dụng đất năm 2021 trên địa bàn huyện Bắc Tân Uyên như sau:

Bảng 12: Kế hoạch sử dụng đất năm 2021
huyện Bắc Tân Uyên

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng năm 2020		Kế hoạch năm 2021		Tăng, giảm (-)	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(4)	(9)=(7)-(5)
	Tổng diện tích tự nhiên		40.030,75	100,00	40.030,75	100,00		
1	Đất nông nghiệp	NNP	34.237,91	85,53	32.251,25	80,57	-1.986,66	-4,96
1.1	Đất trồng lúa	LUA	840,46	2,10	760,00	1,90	-80,46	-0,20
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>						
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	254,57	0,64	254,57	0,64		
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	31.964,08	79,85	30.199,06	75,44	-1.765,01	-4,41
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH						
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD						
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	957,08	2,39	805,89	2,01	-151,19	-0,38
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	61,16	0,15	61,16	0,15		
1.8	Đất làm muối	LMU						
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	160,54	0,40	170,54	0,43	10,00	0,02
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.792,84	14,47	7.779,50	19,43	1.986,66	4,96

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng năm 2020		Kế hoạch năm 2021		Tăng, giảm (-)	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(4)	(9)=(7)-(5)
2.1	Đất quốc phòng	CQP	232,99	0,58	301,06	0,75	68,07	0,17
2.2	Đất an ninh	CAN	228,76	0,57	231,60	0,58	2,84	0,01
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	753,93	1,88	1.977,33	4,94	1.223,40	3,06
2.4	Đất khu chế xuất	SKT						
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	94,51	0,24	94,51	0,24		
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	52,63	0,13	207,78	0,52	155,15	0,39
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	400,01	1,00	522,11	1,30	122,09	0,30
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	27,04	0,07	40,22	0,10	13,18	0,03
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.698,77	4,24	1.981,85	4,95	283,08	0,71
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	37,41	0,09	37,41	0,09		
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL						
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA						
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	565,25	1,41	613,19	1,53	47,94	0,12
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	48,21	0,12	62,80	0,16	14,58	0,04
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	12,68	0,03	12,68	0,03		
2.16	Đất xây dựng trụ sở của TCSN	DTS	13,41	0,03	13,41	0,03		
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG						
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	13,78	0,03	13,78	0,03		
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	97,19	0,24	97,19	0,24		
2.20	Đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm	SKX	594,20	1,48	649,48	1,62	55,28	0,14
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	4,49	0,01	5,54	0,01	1,05	0,00
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	15,80	0,04	15,80	0,04		
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	5,79	0,01	5,79	0,01		
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	895,91	2,24	895,91	2,24		
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC						
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,08	0,00	0,08	0,00		
3	Đất chưa sử dụng	CSD						
4	Đất khu công nghệ cao*	KCN						
5	Đất khu kinh tế*	KKT						
6	Đất đô thị*	KDT						

Ghi chú: * Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên

2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2021 do tỉnh phân bổ

Căn cứ theo Khoản 3 – Điều 3 – Thông tư 29/2014/TT-BTNMT, các chỉ tiêu sử dụng đất do cấp tỉnh phân bổ như sau:

(a). Chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp: Năm 2021, đất nông nghiệp toàn Huyện có diện tích là 32.251,25ha, giảm 1.986,66ha so với năm 2020 do chuyển sang đất phi nông nghiệp. Chi tiết từng chỉ tiêu sử dụng đất như sau:

(1). Đất trồng lúa (LUA): Giảm đất lúa (theo hồ sơ địa chính đất trồng lúa nhưng trên thực tế hiện trạng đã không còn là đất trồng lúa), nằm ngoài phần diện tích đất trồng lúa xác định cần giữ lại theo phương án trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2021 đã được phê duyệt (760,00ha).

(2). Đất trồng cây hàng năm khác (HNK): Năm 2021 có diện tích là 254,57ha, ổn định so với hiện trạng năm 2020.

(3). Đất trồng cây lâu năm (CLN): Kế hoạch năm 2021 diện tích đất cây lâu năm là 30.199,06ha, giảm 1.765,01ha so với hiện trạng năm 2020 nhằm chuyển sang xây dựng các công trình phi nông nghiệp.

(4). Đất rừng sản xuất (RSX): Năm 2021 có diện tích là 805,89ha, giảm 151,19ha so với hiện trạng năm 2020, giữ lại diện tích rừng sản xuất (805,89ha) đúng theo số liệu báo cáo của Chi cục Kiểm lâm – Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Bình Dương.

(5). Đất nuôi trồng thủy sản (NTS): Năm 2021 có diện tích là 61,16ha, ổn định so với hiện trạng năm 2020.

(b). Chỉ tiêu sử dụng đất phi nông nghiệp: Năm 2021, đất phi nông nghiệp toàn Huyện có diện tích là 7.779,50ha, tăng 1.986,66ha so với năm 2020. Diện tích tăng thêm được chuyển từ đất nông nghiệp, cụ thể từng chỉ tiêu sử dụng đất trong nhóm đất phi nông nghiệp như sau:

(1). Đất quốc phòng (CQP): Năm 2021, diện tích đất quốc phòng là 301,06ha, tăng thêm 68,07ha so với năm 2020 nhằm thực hiện 02 công trình chuyển tiếp từ năm kế hoạch 2020 và 01 công trình đăng ký mới trong năm 2021 như sau:

STT	Tên công trình	Năm kế hoạch	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	Công trình xây dựng các hạng mục phục vụ sinh hoạt và làm việc cho Doanh trại Ban chỉ huy quân sự huyện Bắc Tân Uyên	2018	Tân Thành	7,00
2	Dự án bồi thường và giải phóng mặt bằng để xây dựng Khu Căn cứ hậu cần - kỹ thuật tại huyện Bắc Tân Uyên	2020	Lạc An	60,00
3	Xây dựng mới Ban chỉ huy quân sự xã Thường Tân	2021	Thường Tân	1,07

(2). Đất an ninh (CAN): Năm 2021, diện tích đất an ninh là 231,85ha, tăng thêm 2,84ha so với hiện trạng năm 2020 nhằm thực hiện 01 công trình chuyển tiếp (Đội chữa cháy chuyên nghiệp KV Tân Thành (Trụ sở Phòng Cảnh sát PC&CC): 2,63ha) và 01 công trình đăng ký mới trong năm 2021 là Trụ sở Công an xã Bình Mỹ (0,21ha).

(3). Đất khu công nghiệp (SKK): Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất khu công nghiệp là 1.977,33ha, thực hiện:

+ 02 dự án khu công nghiệp chuyển tiếp từ kế hoạch năm 2020. Cụ thể như sau: Khu công nghiệp Đất Cuốc 342,00ha (KH2016 chuyển tiếp + đăng ký giai đoạn II: 205,52 ha); KCN VSIP III 804ha (thuộc xã Tân Lập).

+ 01 dự án chuyển tiếp từ kế hoạch năm 2020, điều chỉnh vị trí mới là khu công nghiệp Tân Lập 1 (điều chỉnh vị trí mới tại xã Tân Lập) quy mô 200ha.

(4). Đất thương mại – dịch vụ (TMD): Năm 2021 có diện tích là 207,78ha, tăng thêm 155,15ha so với năm 2020 nhằm chuyển từ đất trồng cây lâu năm để xây dựng các cây xăng dầu (*Thực hiện theo Quyết định số 4112/QĐ-UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt đề án điều chỉnh phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu tỉnh Bình Dương đến năm 2030*). Bên cạnh đó, bố trí các công trình, dự án thuộc đất kinh doanh, dịch vụ, thương mại của người dân (*kể cả trụ sở, văn phòng đại diện của các tổ chức kinh tế*) sẽ được bố trí sử dụng vào loại đất ở (*được sử dụng vào mục đích phụ*) xen cài trong các khu dân cư xung quanh TTHC huyện, dọc các tuyến đường giao thông trên địa bàn huyện.

(5). Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC): Diện tích năm 2021 là 522,11ha, tăng thêm 122,09ha so với năm 2020 nhằm chuyển mục đích sử dụng đất cho các doanh nghiệp, hộ kinh doanh đăng ký trong năm kế hoạch 2021 và doanh nghiệp chuyển tiếp từ năm kế hoạch 2020. (*cụ thể tại biểu số 10/CH trong phần phụ lục*).

(6). Đất phát triển hạ tầng (DHT): Năm 2021 có diện tích là 1.981,85ha, tăng 283,08ha so với năm 2020 nhằm thực hiện 47 công trình (trong đó chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2020 là 32 công trình, dự án; đăng ký mới trong năm 2021 là 15 công trình, dự án) cụ thể như sau:

- 30 công trình đất giao thông: 09 CT, DA đăng ký mới trong năm 2021; 21 CT, DA chuyển tiếp từ KHSDĐ năm 2020.

- 02 công trình đất thủy lợi: 01 công trình đăng ký mới trong năm 2021 (Trạm cấp nước huyện Bắc Tân Uyên tại thị trấn Tân Thành: 2,05ha); 01 công trình chuyển tiếp từ KHSDĐ năm 2020 (Dự án bồi thường, hỗ trợ di dời các hộ dân thuộc khu vực có nguy cơ sạt lở ven sông Đồng Nai trên địa bàn xã Lạc An, Tân Mỹ: 1,47ha).

- 08 công trình đất năng lượng :03 CT, DA đăng ký mới trong năm 2021; 05 CT, DA chuyển tiếp từ KHSDĐ năm 2020.

- 01 công trình đất cơ sở văn hóa (Trung Tâm VH TT - Học tập cộng đồng xã Bình Mỹ): công trình chuyển tiếp từ KHSDĐ năm 2020 có điều chỉnh quy mô diện tích từ 2,03ha thành 2,15ha.

- 01 công trình đất cơ sở y tế với diện tích 0,7ha (mở rộng Trung tâm Y tế Huyện ở Tân Thành – 0,70ha): công trình chuyển tiếp từ KHSDĐ năm 2020.

- 03 công trình đất cơ sở giáo dục – đào tạo: 02 công trình đăng ký trong năm 2021 (Trường Tiểu học Tân Lập: 2,00ha; Trường THPT Tân Bình: 1,96ha); 01 công trình chuyển tiếp từ KHSDĐ năm 2020 là Dự án bồi thường, hỗ trợ xây dựng Trường THCS Bình Mỹ (2,70ha).

- 02 công trình đất chợ: chuyển tiếp từ KHSDĐ năm 2020 (bổ sung giữa năm) là chợ Tân Lập của HTX cao su Nhật Hưng (0,26ha) và chợ Tân Định (0,60ha).

(Cụ thể các công trình đất phát triển hạ tầng tại biểu số 10/CH trong phần phụ lục)

(7). Đất có di tích lịch sử - văn hóa (DDT): Diện tích đất có di tích lịch sử - văn hóa đến năm 2021 trên địa bàn huyện là 37,41ha, ổn định như hiện trạng năm 2020. Theo kết quả kiểm kê đất đai năm 2019 thì trên địa bàn toàn Huyện đã có 37,41ha đất có di tích lịch sử - văn hóa. Cụ thể trên địa bàn các xã như sau:

+ Căn cứ Bàu Gốc – xã Bình Mỹ:	0,75ha
+ Mộ cổ Đức ông Trần Thượng Xuyên – Tân Mỹ:	1,08ha
+ Đài tưởng niệm liệt sỹ Huyện– xã Đất Cuốc (CT giao đất):	1,51ha
+ Khu DTLS Chiến khu Đ – xã Đất Cuốc (CT giao đất):	34,07ha

(8) Đất bãi thải, xử lý chất thải: Năm 2021 có diện tích 15,80ha, ổn định như diện tích từ số liệu hiện trạng sử dụng đất năm 2020 (15,80ha).

(9). Đất ở: Năm 2021 có diện tích 675,98ha (trong đó đất ở tại nông thôn là 613,19ha, đất ở tại đô thị là 62,80ha), tăng thêm 62,52ha so với năm 2020 nhằm thực hiện các công trình, dự án như:

+ Khu nhà ở Thái Bình – xã Tân Bình:	2,03ha
+ Dự án Khu nhà ở Quang Phúc 3:	13,70ha
+ Khu nhà ở Tân Thành:	1,62ha
+ Khu nhà ở Tân Mỹ (xã Đất Cuốc):	5,86ha
+ Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân:	39,31ha

Ngoài ra, trong năm kế hoạch bố trí Khu tái định cư và nhà ở cho công nhân (trong Khu công nghiệp Tân Bình) với quy mô 35,80ha.

(10). Đất xây dựng trụ sở cơ quan (TSC): Năm 2021 có diện tích 12,68ha, ổn định như hiện trạng sử dụng đất năm 2020.

(11). Đất cơ sở tôn giáo: Diện tích ổn định như hiện trạng năm 2020 là 13,78ha, phân bố trên địa bàn các xã Tân Định (0,58ha), Tân Bình (0,22ha), Tân Lập (2,07ha), Đất Cuốc (1,21ha), Hiếu Liêm (1,95ha), Lạc An (7,13ha), Tân Mỹ (0,62ha).

(12). Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng (NTD): Năm 2021 có diện tích ổn định như hiện trạng năm 2020 với 97,19ha, phân bố trên địa bàn các tất cả 10 xã và thị trấn, chiếm nhiều nhất ở các xã như Tân Định (32,02ha), Tân Bình (15,47ha), Thường Tân (14,98ha), Lạc An (7,52ha).

(13). Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm (SKX): Năm 2021 có diện tích là 649,48ha, tăng 55,28ha so với năm 2020 để thực hiện các chủ trương đăng ký từ các công ty, doanh nghiệp trên địa bàn Tân Bình, Tân Mỹ, Thường Tân.

(14) Đất sinh hoạt cộng đồng (DSH): Năm 2021 có diện tích là 5,54ha, tăng 1,05ha so với năm 2020 để thực hiện thêm 02 công trình trong năm 2021 là Văn phòng ấp 1 tại xã Lạc An (0,75ha); Văn phòng ấp Vườn Ươm tại xã Tân Định (0,30ha).

(15) Đất chưa sử dụng: không còn đất chưa sử dụng.

2.2. Chỉ tiêu sử dụng đất 2021 do huyện Bắc Tân Uyên xác định

(1). Đất nông nghiệp khác (NKH): Năm 2021, kế hoạch tăng 10ha so với hiện trạng năm 2020 nhằm bố trí các cơ sở nuôi chim yến, sản xuất nông nghiệp khác... trên địa bàn 10 xã, thị trấn.

(2). Đất cơ sở tín ngưỡng (TIN): Ổn định như năm 2020 là 5,79ha.

(3). Đất sông ngòi, kênh rạch, suối (SON): Diện tích năm 2021 là 895,91ha, ổn định như năm 2020.

**Bảng 13: Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cụ thể trên địa bàn các đơn vị hành chính
thuộc huyện Bắc Tân Uyên – tỉnh Bình Dương**

Đơn vị tính: ha

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Tân Định	Bình Mỹ	Tân Bình	Tân Lập	Tân Thành	Đất Cuốc	Hiếu Liêm	Lạc An	Tân Mỹ	Thường Tân
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	Tổng diện tích tự nhiên		40.030,75	8.556,94	5.643,13	2.893,40	2.782,48	2.688,21	3.124,20	4.549,62	3.508,76	4.050,46	2.233,53
1	Đất nông nghiệp	NNP	32.251,25	7.497,15	5.193,25	1.952,29	1.548,30	2.266,41	2.084,05	4.035,64	3.063,96	3.218,96	1.391,21
1.1	Đất trồng lúa	LUA	760,00								280,00	130,00	350,00
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>											
1.2	Đất trồng cây HNK	HNK	254,57	13,95	2,93	1,80	14,45		24,92	12,63	26,22	124,93	32,74
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	30.199,06	7.425,38	5.187,47	1.946,95	1.528,79	2.255,92	1.960,44	3.614,38	2.524,00	2.775,44	980,30
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH											
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD											
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	805,89						64,10	355,90	223,54	162,35	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	61,16	4,12	0,47	1,54	0,15		3,29	2,21	7,23	17,52	24,63
1.8	Đất làm muối	LMU											
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	170,54	53,70	2,39	2,00	4,91	10,49	31,30	50,52	2,97	8,72	3,54
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	7.779,50	1.059,79	449,88	941,11	1.234,18	421,80	1.040,15	513,98	444,80	831,50	842,32
2.1	Đất quốc phòng	CQP	301,06					14,18		174,59	78,63	32,59	1,07
2.2	Đất an ninh	CAN	231,60	207,47	0,21		0,17	2,63	7,65	13,00			0,47
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	1.977,33			354,35	1.004,00		618,98				
2.4	Đất khu chế xuất	SKT											
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	94,51									94,51	
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	207,78	46,52	33,39	37,15	10,26	32,88	10,82	5,00	5,13	21,01	5,62
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	522,11	8,88	85,62	29,18	50,26	5,14	132,08	14,99	0,59	161,46	33,91
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	40,22			13,18	20,51		6,53				
2.9	Đất PTHT cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.981,85	462,67	172,28	180,54	104,27	266,77	160,78	121,97	134,48	239,09	139,01

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Tân Định	Bình Mỹ	Tân Bình	Tân Lập	Tân Thành	Đất Cuốc	Hiếu Liêm	Lạc An	Tân Mỹ	Thường Tân
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	37,41		0,75				35,58			1,08	
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL											
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA											
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	613,19	44,05	107,18	228,22	34,33		35,48	15,06	86,64	30,05	32,16
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	62,80					62,80					
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	12,68	0,64	0,85	1,29	0,70	2,31	4,33	1,21	0,42	0,54	0,39
2.16	Đất xây dựng trụ sở của TCSN	DTS	13,41					13,41					
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG											
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	13,78	0,58		0,22	2,07		1,21	1,95	7,13	0,62	
2.19	Đất làm NTND, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	97,19	32,02	7,18	15,47	3,43	6,19	2,17	1,49	7,52	6,74	14,98
2.20	Đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm	SKX	649,48			28,31						168,07	453,10
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	5,54	0,90	0,47	0,37	0,31	0,49	0,66	0,18	1,44	0,49	0,23
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	15,80		0,10	7,36	0,62	5,81	0,17		0,24		1,50
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	5,79		0,58	0,31	0,56	0,12	0,19	0,14	0,63	0,76	2,50
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	895,91	256,02	41,26	45,16	2,68	9,08	23,48	164,40	121,95	74,50	157,38
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC											
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,08	0,04					0,04				
3	Đất chưa sử dụng	CSD											
4	Đất khu công nghệ cao*	KCN											
5	Đất khu kinh tế*	DBT											

Ghi chú: * Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên

3. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

- Tổng diện tích đất nông nghiệp (chủ yếu là đất trồng cây lâu năm) chuyển sang đất phi nông nghiệp trong năm kế hoạch 2021 là 1.986,66ha.

- Tổng diện tích đất chuyển đổi trong nội bộ đất nông nghiệp là 238,58ha. Trong đó, chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm theo nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân tại các khu vực cho phép chuyển mục đích theo quy hoạch là 77,39ha.

Ngoài ra, đối với các trường hợp hộ gia đình, cá nhân đã chuyển đổi mục đích đất trồng lúa và được kiểm kê vào loại đất khác nhưng trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn thể hiện là đất lúa, cho phép chỉnh lý, lập thủ tục đất đai theo thực tế, đảm bảo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

Cụ thể trên địa bàn từng đơn vị hành chính như bảng sau:

Bảng 14: Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021 huyện Bắc Tân Uyên

Đơn vị tính: ha

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Tân Định	Bình Mỹ	Tân Bình	Tân Lập	Tân Thành	Đất Cuốc	Hiếu Liêm	Lạc An	Tân Mỹ	Thường Tân
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp		1.986,66	100,13	95,29	84,64	1.059,40	105,20	264,50	16,23	68,08	124,21	68,98
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	3,07										3,07
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC/PNN											
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN											
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	1.983,59	100,13	95,29	84,64	1.059,40	105,20	264,50	16,23	68,08	124,21	65,91
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN											
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN											
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN											
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN											
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN											
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		238,58	2,00	2,00				3,65	12,87	168,39	13,01	36,66
	<i>Trong đó:</i>												
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	77,39								27,72	13,01	36,66
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP											
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS											
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối	LUA/LMU											
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS											
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU											
2.7	Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất nông nghiệp khác	CLN/NKH	10,00	1,00	1,00	1,00	1,00	1,00	1,00	1,00	1,00	1,00	1,00
2.8	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR(a)											
2.9	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR(a)											
2.10	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR(a)	151,19						1,65	10,87	138,67		

Ghi chú: - (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác.

4. Diện tích đất cần thu hồi

- Tổng diện tích đất nông nghiệp cần thu hồi trong năm kế hoạch 2021 là 1.578,71ha. Trong đó, thu hồi từ đất trồng lúa 3,07ha và đất trồng cây lâu năm 1.575,64ha.

Cụ thể trên địa bàn từng đơn vị hành chính như bảng sau:

Bảng 15: Kế hoạch thu hồi đất năm 2021

Đơn vị tính: Ha

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Tân Định	Bình Mỹ	Tân Bình	Tân Lập	Tân Thành	Đất Cuốc	Hiếu Liêm	Lạc An	Tân Mỹ	Thường Tân
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
s	Đất nông nghiệp	NNP	1.578,71	70,18	17,01	6,28	1.028,29	57,12	221,81	10,23	61,35	76,34	30,10
-	Đất trồng lúa	LUA	3,07										3,07
-	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK											
-	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.575,64	70,18	17,01	6,28	1.028,29	57,12	221,81	10,23	61,35	76,34	27,03
-	Đất rừng sản xuất	RSX											
-	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS											
2	Đất phi nông nghiệp	PNN											
-	Đất PTHT cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT											
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT											
-	Đất danh lam thắng cảnh	DDL											
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA											
-	Đất ở tại nông thôn	ONT											
-	Đất ở tại đô thị	ODT											
-	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC											
-	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH											
-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV											
-	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN											
-	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON											

5. Nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và danh mục công trình có sử dụng đất trồng lúa

Tổng diện tích đất trồng lúa cần thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác trong năm 2021 trên địa bàn huyện Bắc Tân Uyên là 80,46ha. Trong đó, diện tích đất trồng lúa cần thu hồi là 3,07ha, diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa của hộ gia đình, cá nhân là 77,39ha.

Ngoài ra, trên địa bàn các xã có một phần diện tích của các hộ gia đình, cá nhân ghi trên hồ sơ địa chính là đất lúa, nhưng theo số liệu kiểm kê đất đai năm 2019 và trên thực địa không còn là đất trồng lúa, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 ở các khu vực này cũng không phải là đất trồng lúa thì sẽ cho phép người dân hợp thức hóa cho phù hợp với hiện trạng và quy hoạch được duyệt.

Danh mục các công trình, dự án có sử dụng đất lúa và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất lúa trong năm 2021 của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn các xã Lạc An, Tân Mỹ, Thường Tân với diện tích cụ thể như sau:

Bảng 16: Danh mục công trình, dự án có sử dụng đất trồng lúa và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trong năm 2021 - H. Bắc Tân Uyên

STT	HẠNG MỤC	Mã QH	Diện tích QH (ha)	Tăng thêm		Xã, phường, thị trấn
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh					
-	Xây dựng mới Ban chỉ huy quân sự xã Thường Tân	CQP	1,07	1,07	LUA	Thường Tân
II	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng					
-	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất					
1	Đường Thủ Biên - Đất Cuốc	DGT	79,60	79,60	CLN; LUA (20,8ha)	Thường Tân, Tân Mỹ
2	Mở rộng Khu chế biến mỏ đá Thường Tân	SKX	2,00	2,00	LUA	Thường Tân
III	Chuyển mục đích sử dụng đất					
-	Chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn các xã	CLN	77,39	77,39	LUA	Các xã
1	Đất LUA chuyển sang mục đích khác	CLN	27,72	27,72	LUA	Lạc An
2	Đất LUA chuyển sang mục đích khác	CLN	13,01	13,01	LUA	Tân Mỹ
3	Đất LUA chuyển sang mục đích khác	CLN	36,66	36,66	LUA	Thường Tân

6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

Kế hoạch năm 2021 không có chỉ tiêu đất chưa sử dụng.

7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch

Tổng số công trình, dự án sử dụng đất thực hiện trong năm kế hoạch 2021 trên địa bàn Huyện là 77 công trình, dự án. Bao gồm 21 công trình đăng ký mới trong năm kế hoạch 2021 và 56 công trình chuyển tiếp từ kế hoạch năm 2020 (đã

cập nhật lại số lượng công trình, dự án; quy mô diện tích và vị trí tờ, thửa theo cơ sở pháp lý dự án). Chi tiết theo bảng sau:

**Bảng 17: Số lượng công trình, dự án thực hiện trong năm kế hoạch 2021
huyện Bắc Tân Uyên – tỉnh Bình Dương**

S T T	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng cộng		Đăng ký mới năm 2021		Chuyển tiếp từ KHSDĐ năm 2020	
			Số lượng dự án	Diện tích (ha)	Số lượng dự án	Diện tích (ha)	Số lượng dự án	Diện tích (ha)
	Tổng		77	1.514,14	21	41,94	56	1.472,20
1	Đất quốc phòng	CQP	3	68,07	1	1,07	2	67,00
2	Đất an ninh	CAN	2	2,84	1	0,21	1	2,63
3	Đất khu công nghiệp	SKK	3	1.100,80			3	1.100,80
4	Đất cơ sở sản xuất PNN	SKC	5	19,11			5	19,11
5	Đất thương mại dịch vụ	TMD	1	0,15			1	0,15
6	Đất phát triển hạ tầng	DHT	47	222,49	15	32,13	32	190,36
-	Đất giao thông	DGT	30	205,77	9	24,44	21	181,33
-	Đất thủy lợi	DTL	2	3,52	1	2,05	1	1,47
-	Đất công trình năng lượng	DNL	8	2,83	3	1,68	5	1,15
-	Đất cơ sở văn hoá	DVH	1	2,15			1	2,15
-	Đất cơ sở giáo dục & đào tạo	DGD	3	6,66	2	3,96	1	2,70
-	Đất cơ sở y tế	DYT	1	0,70			1	0,70
-	Đất chợ	DCH	2	0,86			2	0,86
7	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA						
8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	1	13,18			1	13,18
9	Đất SX VLXD, làm đồ gốm	SKX	8	55,28			8	55,28
10	Đất ở tại nông thôn	ONT	3	21,59	1	5,86	2	15,73
11	Đất ở tại đô thị	ODT	2	9,58	1	1,62	1	7,96
12	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	2	1,05	2	1,05		

Trong đó:

- Nhóm công trình, dự án an ninh, quốc phòng: 05 công trình. Trong đó có 03/05 công trình, dự án chuyển tiếp từ kế hoạch năm 2020 và 02/05 công trình, dự án đăng ký mới trong kế hoạch năm 2021.

- Nhóm công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất: 03 công trình thuộc chỉ tiêu đất khu công nghiệp (chuyển tiếp từ năm kế hoạch 2020).

- Nhóm công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất là: 49 công trình, dự án. Trong đó, có 32/49 công trình chuyển tiếp từ kế hoạch năm 2020 và 17/49 công trình đăng ký mới trong kế hoạch năm 2021.

- Nhóm công trình, dự án cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất: 20 công trình, dự án. Trong đó có 18/20 công trình, dự án chuyển tiếp từ kế hoạch năm 2020 và 02/20 công trình, dự án đất ở đăng ký mới trong kế hoạch năm 2021.

(Cụ thể từng công trình, dự án được thể hiện ở biểu 10/CH phần phụ biểu).

8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm 2021

- Căn cứ Luật đất đai năm 2013.

- Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

- Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định về việc thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Căn cứ Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 17/02/2017 của UBND tỉnh Bình Dương về Ban hành Quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Trên cơ sở danh mục công trình, dự án đưa vào thực hiện trong năm kế hoạch 2021 trên địa bàn Huyện, dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai bao gồm: (1) Các khoản chi cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; và (2) các khoản thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và các loại thuế liên quan đến đất đai.

Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất 2021 ở Huyện Bắc Tân Uyên như sau:

**Bảng 18: Ước tính thu chi theo KHSDD năm 2021
Huyện Bắc Tân Uyên – tỉnh Bình Dương**

STT	Hạng mục	Thành tiền (Tỷ đồng)
I	Tổng thu	414,40
1	Tiền sử dụng đất khi chuyển sang đất ONT	24,80
2	Thu tiền cho thuê đất sản xuất kinh doanh	377,45
3	Các khoản thu khác (các loại thuế, lệ phí trước bạ)	12,16
II	Tổng chi	398,47
1	Đất trồng cây lâu năm	392,39
2	Đất ở tại nông thôn	6,08
	Cân đối thu chi (I-II)	15,94

II. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

1. Các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Quản lý và thực hiện đầy đủ các chính sách đối với quỹ đất trồng lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa và các văn bản có liên quan. Nghiêm cấm việc chuyển đổi đất trồng lúa sang các mục đích khác ngoài quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Song song với quá trình sử dụng đất, chú trọng bảo vệ, cải tạo môi trường đất, nước và hạn chế tối đa các tác động tiêu cực như: gây ô nhiễm môi trường, gây lây lan dịch bệnh, sử dụng cạn kiệt tài nguyên... để phát triển bền vững.

- Hầu hết diện tích đất đưa vào kế hoạch cho mục đích phi nông nghiệp đều phải được thu hồi từ đất của các chủ sử dụng, do vậy cần công bố, công khai, minh bạch kế hoạch và các phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư cho người sử dụng đất biết để phối hợp thực hiện.

- Tranh thủ sự chỉ đạo của tỉnh, phối hợp chặt chẽ với các sở ngành để đăng ký kế hoạch, vốn đầu tư hàng năm nhằm đảm bảo tiến độ xây dựng các dự án, công trình đã được xác định trong kế hoạch sử dụng đất.

- Sau khi kế hoạch sử dụng đất năm 2021 được phê duyệt, các ngành chủ quản thông báo rộng rãi đến các cá nhân, tổ chức sử dụng đất phi nông nghiệp đã đưa vào kế hoạch liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường, phòng Tài nguyên và Môi trường để hướng dẫn làm các thủ tục về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trách nhiệm các ngành, địa phương trong tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021

- Phòng Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm công bố, công khai và tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021. Tham mưu cho UBND Huyện ra các quyết định về đất đai và hướng dẫn các xã thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021 theo luật định. Kiên quyết không giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất không phù hợp với kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt.

- UBND các xã- thị trấn căn cứ vào kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của Huyện đã được phê duyệt để triển khai thực hiện công tác quản lý đất đai trên địa bàn theo đúng các quy định của Luật Đất đai.

- Căn cứ vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 đã được phê duyệt, đề nghị các ngành chức năng của huyện tổ chức, thực hiện đúng tiến độ và quy định. Trường hợp phát sinh các nhu cầu về đất, đề nghị liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký làm cơ sở UBND huyện lập thủ tục bổ sung theo quy định.

- Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trên địa bàn Huyện cần nhanh chóng tiến hành các thủ tục theo quy định để được giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phù hợp với kế hoạch sử dụng đất năm 2021 đã được phê duyệt.

- Định kỳ hàng năm UBND Huyện có báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất về Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu tổng hợp cho UBND Tỉnh Bình Dương báo cáo Chính phủ.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Bắc Tân Uyên được xây dựng trên cơ sở tuân thủ các quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường; phù hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030; quán triệt kế hoạch phát triển của các ngành, các xã và cần nhắc khả năng đầu tư từ nguồn ngân sách và ngoài ngân sách trên địa bàn Huyện...; tranh thủ sự chỉ đạo của UBND Tỉnh, hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường để xác định các định hướng lớn về sử dụng đất trên địa bàn cũng như quy trình kỹ thuật, nội dung để xây dựng kế hoạch sử dụng đất. Nên khi được phê duyệt sẽ tạo cơ sở rất vững chắc về pháp lý, khoa học và thực tiễn để tổ chức quản lý, sử dụng đất đai trên địa bàn của Huyện trong năm 2021.

Kết quả nghiên cứu xây dựng kế hoạch sử dụng đất đã dự báo được nhu cầu sử dụng đất các ngành, các lĩnh vực đến quy mô từng công trình, dự án phân bố trên từng xã gắn với các tờ, thửa bản đồ địa chính cụ thể; tổng hợp thành hệ thống các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2021 theo quy định của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường; đồng thời xây dựng bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2021 ở tỷ lệ 1/25.000, sơ đồ vị trí các công trình, dự án thực hiện trong năm 2021 làm cơ sở để tổ chức triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt.

Sau khi được UBND Tỉnh Bình Dương phê duyệt, UBND Huyện Bắc Tân Uyên chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường tiến hành công bố, công khai kế hoạch sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai hiện hành. Hàng năm có báo cáo tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất để báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Chính phủ.

PHỤ LỤC 02